**PHỤ LỤC**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**

**CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**VỀ LĨNH VỰC THÚ Y**

**PHẦN 1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên thủ tục hành chính** | **Trang** | **Phương thức tiếp nhận và trả kết quả** |
| 1 | Cấp Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y  | 3 | Nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc qua BCCI |
| 2 | Cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y  | 7 |
| 3 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y  | 10 |
| 4 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)  | 13 |
| 5 | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y  | 15 |
| 6 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn  | 18 |
| 7 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)  | 21 |
| 8 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại  | 25 |
| 9 |  Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn  | 28 |
| 10 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản  | 31 |
| 11 | Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc dưới nước)  | 34 |
| 12 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận  | 37 |
| 13 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận  | 40 |
| 14 | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận  | 43 |
| 15 | Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm  | 46 |
| 16 | Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale- CFS) đối với giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi  | 47 |
| 17 | Cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale- CFS) đối với giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi  | 53 |
| 18 | Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y) | 56 | Nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc qua BCCI;Qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (mức độ 3). |
| 19 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y | 60 |
| 20 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y | 61 |
| 21 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y | 64 |
| 22 | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y | 66 |
| 23 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn | 69 |
| 24 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống) | 72 |
| 25 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại | 76 |
| 26 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn | 79 |
| 27 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản | 82 |
| 28 |  Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản ) | 86 |
| 29 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận | 89 |
| 30 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận | 92 |
| 31 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận | 95 |
| 32 | Cấp Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y  | 98 |
| 33 | Cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y  | 102 |
| 34 | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh  | 105 | Nộp trực tiếp tại Trạm kiểm dịch động vật xuất-nhập tỉnh đầu mối giao thông |
| 35 | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh  | 110 |

**PHẦN II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y**

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1:Cá nhân**, t**ổ chức chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2:Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**.**

Bước 3:Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4:Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:**Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo Mẫu 01 của Phụ lục IIThông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016;

- Bản chính Mô tả tóm tắt về cơ sở theo Mẫu số 02 của Phụ lục II Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chợ chuyên kinh doanh động vật, chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ, cơ sở thu gom động vật; cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm, không do Trung ương quản lý;không phục vụ xuất, nhập khẩu, chỉ phục vụ tiêu dùng trong nước

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**Chi cục Chăn nuôi và Thú y

**f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận VSTY trùng với thời hạn hết hiệu lực của Giấy chứng nhận VSTY đã được cấp trước đó *(Đối với trường hợp Giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY)*

**g) Phí, lệ phí:**

- Cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chợ chuyên kinh doanh động vật, chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ, cơ sở thu gom động vật; cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm, không do Trung ương quản lý;không phục vụ xuất, nhập khẩu, chỉ phục vụ tiêu dùng trong nước: 1.000.000 đồng/lần (cấp mới)

- Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ cơ sở thu gom động vật: 450.000 đồng/lần.

Trường hợp cần thiết xét nghiệm, các chỉ tiêu xét nghiệm được tính chi phí riêng theo thực tế.

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo Mẫu 01 của Phụ lục IIThông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016;

- Bản chính Mô tả tóm tắt về cơ sở theo Mẫu số 02 của Phụ lục II Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016.

i**) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ**

**CHỨNG NHẬN ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y**

 *(Ban hành kèm theo Thông tư số* ***09*** */2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016*

*của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày........... tháng.......... năm .........*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y**

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Cơ sở ......................................; được thành lập ngày:..................................

Trụ sở tại:........................................................................................................

Điện thoại:....................................Fax:............................................................

Giấy đăng ký hộ kinh doanh/Giấy đăng ký kinh doanh số: ...................; ngày cấp:..................... đơn vị cấp:........................ (đối với doanh nghiệp);

Hoặc Quyết định thành lập đơn vị số.....................ngày cấp..............; Cơ quan ban hành Quyết định.................................................

Lĩnh vực hoạt động:.............................................................

Công suất sản xuất/năng lực phục vụ:............................................................

Số lượng công nhân viên:................... (cố định:.....................; thời vụ:.................)

Đề nghị …………… *(tên cơ quan kiểm tra)* ………… cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y cho cơ sở.

Lý do cấp/cấp lại:

Cơ sở mới thành lập ; Thay đổi thông tin đăng ký kinh doanh ; Giấy chứng nhận ĐKVSTY hết hạn

Xin trân trọng cảm ơn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Gửi kèm gồm****:*- Bản mô tả tóm tắt về cơ sở (Mẫu số 02).  | **CHỦ CƠ SỞ***(Ký tên & đóng dấu)* |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập -Tự do-Hạnh phúc**

**Mẫu: 02**

*……., ngày…… tháng….. năm……*

**MÔ TẢ TÓM TẮT VỀ CƠ SỞ**

**I- THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở:...............................................................................................................................

2. Mã số (nếu có):.......................................................................................................................

3. Địa chỉ:....................................................................................................................................

4. Điện thoại:…………………. Fax: …………………. Email:................................................

5. Năm bắt đầu hoạt động:..................................................................................................

6. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:..................................................

7. Công suất thiết kế:.........................................................................................................

**II. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ**

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh .................. m2, trong đó:

+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu đầu vào: .............................. m2

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh : ............................................. m2

+ Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: .................................. m2

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : .................................. m2

- Sơ đồ bố trí mặt bằng của cơ sở:

2. Trang thiết bị chính:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thiết bị | Số lượng | Nước sản xuất | Tổng công suất | Năm bắt đầu sử dụng |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Nước máy công cộng* |  | *Nước giếng khoan* |  |
| *Hệ thống xử lý:          Có* |  | *Không*  |  |

Phương pháp xử lý: ……………………………………………………………..

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:………………………………………………………

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: ……………………………… người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: ………………người.

+ Lao động gián tiếp: ………………người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: ….. người; trong đó ……… của cơ sở và ……… đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, khử trùng sử dụng:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên hóa chất | Thành phần chính | Nước sản xuất | Mục đích sử dụng | Nồng độ |
|   |   |   |   |   |

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,…..)

9. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật.

**2. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y**

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1:Cá nhân**, t**ổ chức chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2:Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**.**

Bước 3:Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4:Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:**Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Thành phần hồ sơ:

*1) Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn*

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo Mẫu 01 của Phụ lục IIThông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016;

- Bản chính Mô tả tóm tắt về cơ sở theo Mẫu số 02 của Phụ lục II Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016.

*2) Trường hợp Giấy chứng nhận VSTYbị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY*

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận VSTY theo Mẫu 01 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- 15 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn

- 05 ngày làm việc đối với trường hợp Giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chợ chuyên kinh doanh động vật, chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ, cơ sở thu gom động vật; cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm, không do Trung ương quản lý;không phục vụ xuất, nhập khẩu, chỉ phục vụ tiêu dùng trong nước

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**Chi cục Chăn nuôi và Thú y

**f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận VSTY trùng với thời hạn hết hiệu lực của Giấy chứng nhận VSTY đã được cấp trước đó *(Đối với trường hợp Giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY)*

**g) Phí, lệ phí:**không

h**) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo Mẫu 01 của Phụ lục IIThông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016;

- Bản chính Mô tả tóm tắt về cơ sở theo Mẫu số 02 của Phụ lục II Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016.

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**: Không

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**: Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.

**Mẫu 01**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày........... tháng.......... năm .........*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y**

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Cơ sở ......................................; được thành lập ngày:..................................

Trụ sở tại:........................................................................................................

Điện thoại:....................................Fax:............................................................

Giấy đăng ký hộ kinh doanh/Giấy đăng ký kinh doanh số: ...................; ngày cấp:..................... đơn vị cấp:........................ (đối với doanh nghiệp);

Hoặc Quyết định thành lập đơn vị số.....................ngày cấp..............; Cơ quan ban hành Quyết định.................................................

Lĩnh vực hoạt động:.............................................................

Công suất sản xuất/năng lực phục vụ:............................................................

Số lượng công nhân viên:................... (cố định:.....................; thời vụ:.................)

Đề nghị …………… *(tên cơ quan kiểm tra)* ………… cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y cho cơ sở.

Lý do cấp/cấp lại:

Cơ sở mới thành lập ; Thay đổi thông tin đăng ký kinh doanh ; Giấy chứng nhận ĐKVSTY hết hạn

Xin trân trọng cảm ơn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Gửi kèm gồm****:*- Bản mô tả tóm tắt về cơ sở (Mẫu số 02).  | **CHỦ CƠ SỞ***(Ký tên & đóng dấu)* |

## 3. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1:Cá nhân**, t**ổ chức chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2:Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**.**

Bước 3:Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4:Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:**Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Chứng chỉ hành nghề thú y.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết**: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

**f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận hoặc công văn trả lời

**g) Phí, lệ phí:** 230.000 đồng/ lần

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Chứng chỉ hành nghề

- Giấy phép kinh doanh

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Có địa điểm, cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp;

- Người quản lý, người trực tiếp bán thuốc thú y phải có Chứng chỉ hành nghề thú y

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y;

- Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
------------**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ, GIA HẠN KIỂM TRA
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y**

Kính gửi: (1)

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

Tên cơ sở:

Địa chỉ cơ sở:

Số điện thoại: Fax:

Chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Các loại sản phẩm kinh doanh:

□ Thuốc dược phẩm □ Vắc xin, chế phẩm sinh học

□ Hóa chất □ Các loại khác

Đề nghị quý đơn vị tiến hành kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y cho cơ sở chúng tôi.

Hồ sơ gửi kèm *(đối với đăng ký kiểm tra lần đầu)*:

a) Đơn đăng ký kiểm tra điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y;

b) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y;

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);

d) Chứng chỉ hành nghề buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký).

|  |  |
| --- | --- |
|  | *......., ngày … tháng …. năm …..***Đại diện cơ sở***(ký tên và đóng dấu nếu có)* |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc
----------------**

**BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y**

Kính gửi: (1) …………………………….

Tên cơ sở đăng ký kiểm tra:

Địa chỉ:

Số điện thoại: ..................... Fax: ……………..Email:

Loại hình đăng ký kinh doanh:

Xin giải trình điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y, cụ thể như sau:

1. Cơ sở vật chất: (mô tả kết cấu, diện tích quy mô cơ sở, các khu vực trưng bày/bày bán)

2. Trang thiết bị: (nêu đầy đủ tên, số lượng thiết bị phục vụ bảo quản thuốc thú y như tủ, quầy, kệ, ẩm kế, nhiệt kế, tủ lạnh,…..)

3. Hồ sơ sổ sách: (GCN đăng ký kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, sổ sách theo dõi mua bán hàng,...)

4. Danh mục các mặt hàng kinh doanh tại cơ sở

|  |  |
| --- | --- |
|  | …..,ngày …. tháng …. năm …..**Chủ cơ sở đăng ký kiểm tra***(Ký tên, đóng dấu nếu có)* |

## 4. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1:Cá nhân**, t**ổ chức chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2:Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**.**

Bước 3:Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4:Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:**Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXI ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi trong trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký;

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết**: 05 ngày làm việc

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

e**) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**Chi cục Chăn nuôi và Thú y

**f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy chứng nhận hoặc công văn trả lời

**g) Phí, lệ phí:**không quy định

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**Đơn đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXI ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT.

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**: Không

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y;

- Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT về quản lý thuốc thú y;

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ……………. | *(Địa danh), ngày ….. tháng ….. năm ……* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**

**Giấy chứng nhận GMP, giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y**

Kính gửi:(1) ……………………………………………..

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ:**

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại: …………………………………………… Số Fax:

Chúng tôi đề nghị được cấp lại chứng nhận GMP, giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y: Số.....ngày…..tháng…..năm …….

Lý do đề nghị cấp lại:

- Bị mất, sai sót, hư hỏng

- Thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký.

Hồ sơ gửi kèm:

a) Các tài liệu liên quan đến sự thay đổi, bổ sung (nếu có);

b) Giấy chứng nhận GMP, giấy chứng nhận đủ điền kiện sản xuất, buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** *(1) Gửi Cục Thú y nếu cơ sở đề nghị cấp lại giấy chứng nhận GMP, giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, nhập khẩu thuốc thú y; gửi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nếu cơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y*

## 5. Thủ tụcCấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1:Cá nhân**, t**ổ chức chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2:Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**.**

Bước 3:Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4:Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:**Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Thành phần hồ sơ:

-Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XLII ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Bản sao chụp giấy chứng nhận đăng ký thuốc thú y;

- Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự);

- Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao (đóng dấu xác nhận của Doanh nghiệp).

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết**: 10 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức, cá nhân

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

**f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y

**g) Phí, lệ phí:** 900.000 đồng/giấy

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

-Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XLII ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT;

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ………. |  |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC THÚ Y**

Kính gửi: (1)

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:

Địa chỉ:

Số điện thoại: ……………………Fax:…………………………. E-mail:

Số giấy phép hoạt động:

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:

Kính đề nghị ……... xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với thuốc thú y sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thuốc thú y** | **Giấy chứng nhận đăng ký** | **Phương tiện quảng cáo** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |

Các tài liệu gửi kèm:

1

2

3

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện tổ chức, cá nhân***(ký tên và đóng dấu nếu có)* |

***Ghi chú:*** *(1) Gửi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nếu đăng ký quảng cáo tại địa phương; gửi Cục Thú y nếu đăng ký quảng cáo toàn quốc.*

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN**TÊN CƠ QUAN XÁC NHẬNNỘI DUNG QUẢNG CÁOTHUỐC THÚ Y-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *(Địa danh), ngày …. tháng …. năm ….* |

**GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC THÚ Y**

Số: /20... /XNQC-ký hiệu viết tắt của cơ quan có thẩm quyền

***(Tên cơ quan có thẩm quyền)…………….. xác nhận:***

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:

Địa chỉ:

Số điện thoại: …………………………Fax: ……………………….. E-mail:

***Có nội dung quảng cáo (1) các thuốc thú y trong bảng dưới đây phù hợp với quy định hiện hành.***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thuốc thú y** | **Giấy chứng nhận lưu hành** | **Phương tiện quảng cáo** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quảng cáo thuốc thú y đúng nội dung đã được xác nhận.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký tên, đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Ghi chú: (1). Nội dung quảng cáo được đính kèm Giấy xác nhận này.*

**6. Thủ tụcCấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn**

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1Cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2:Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**.**

Bước 3:Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4:Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:**Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn hoặc Văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND xã đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh bệnh (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạnPhụ lục IIa, IIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT;

- Báo cáo kết quả giám sát;

- Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm (Kết quả thu mẫu xét nghiệm tại thời điểm kiểm tra);

- Bản sao kết quả kiểm tra, phân loại cơ sở còn hiệu lực (nếu có);

- Bản sao Giấy chứng nhận VietGAHP còn hiệu lực(nếu có).

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết**: 20 ngày làm việc

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã trong nước và nước ngoài có hoạt động chăn nuôi tại Việt Nam.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

**f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh. Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

**g) Phí, lệ phí:** 300.000 đồng

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành**

- Đơn hoặc Văn bản đề nghị của Chủ tịch chính: UBND xã đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh bệnh (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạnPhụ lục IIa, IIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT;

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**: Không

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

-Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.................., ngày tháng năm ……..*

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**

**CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

**1. Tên cơ sở :** ………………………………..……………….…………………

Địa chỉ: ………………………………..…………………….…………………..

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

**2. Tên chủ cơ sở:** ................................................................................................

Địa chỉ thường trú: ..............................................................................................

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

**3. Đăng ký chứng nhận:** [ ]  Lần đầu [ ]  Đánh giá lại

 [ ]  Cấp lại [ ]  Bổ sung

[ ]  Cấp đổi

Lý do khác: ....................................................

**(***ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi:* **.........…………………………...**

**…………………………………………………………………………………..)**

**4. Loại hình hoạt động:** [ ]  Sản xuất giống [ ]  Nuôi thương phẩm [ ]  Làm cảnh

**5. Thị trường tiêu thụ**: [ ]  Nội địa [ ]  Xuất khẩu [ ]  Cả nội địa, xuất khẩu

**6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh** ...................................... trên đối tượng…...................................................................................................

**7. Hồ sơ đăng ký gồm:** (*Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định*).

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người làm đơn***(ký tên, đóng dấu) (\*)* |

*(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN…**  |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc* |
| Số: ......................... |  | *………., ngày ..… tháng…… năm .....* |
| V/v đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn |  |  |

Kính gửi: (Tên Cơ quan thú y)

Thực hiện quy định tại Thông tư số /2016/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ……….. đề nghị (tên Cơ quan thú y) xét duyệt hồ sơ đăng ký và cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.

Thông tin liên lạc:

Họ và tên:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

 Kèm theo là …………………………………………….../.

(Trường hợp cấp đổi phải ghi rõ lý do)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;- UBND huyện (để báo cáo);-..; - Lưu: ........  | TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**CHỦ TỊCH***Ký tên, đóng dấu* |

**7. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cơ sở sản xuất thủy sản giống, nuôi trồng thủy sản có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịchchuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2:Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**.**

Bước 3:Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4:Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:**Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Thành phần hồ sơ:

-Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo kết quả giám sát theo quy định;

- Bản sao kết quả kiểm tra, phân loại cơ sở còn hiệu lực (nếu có);

- Bản sao Giấy chứng nhận VietGAP còn hiệu lực (nếu có).

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**20 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cơ sở nuôi trồng thủy sản sản xuất thủy sản giống

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

**f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

**g) Lệ phí, phí:**  300.000 đồng

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

-Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ sở sản xuất giống thủy sản:

+ Người trực tiếp tham gia sản xuất thủy sản giống phải có kiến thức về bệnh mà cơ sở đang thực hiện giám sát, đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh;

+ Có Phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc hợp đồng với Phòng thử nghiệm được chỉ định đủ năng lực xét nghiệm đối với bệnh mà cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh.

- Cơ sở nuôi động vật thủy sản thương phẩm:

+ Người trực tiếp nuôi động vật thủy sản phải có kiến thức về bệnh mà cơ sở đang thực hiện giám sát.

+ Có Phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc hợp đồng với Phòng thử nghiệm được chỉ định đủ năng lực xét nghiệm đối với bệnh mà cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh.

- Cơ sở đã thực hiện chương trình giám sát theo quy định, không có động vật thủy sản mắc bệnh đăng ký chứng nhận an toàn trong ít nhất 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.................., ngày tháng năm ……..*

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**

**CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

**1. Tên cơ sở :** ………………………………..……………….…………………

Địa chỉ: ………………………………..…………………….…………………..

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

**2. Tên chủ cơ sở:** ................................................................................................

Địa chỉ thường trú: ..............................................................................................

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

**3. Đăng ký chứng nhận:** [ ]  Lần đầu [ ]  Đánh giá lại

 [ ]  Cấp lại [ ]  Bổ sung

[ ]  Cấp đổi

Lý do khác: ....................................................

**(***ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi:* **.........…………………………...**

**…………………………………………………………………………………..)**

**4. Loại hình hoạt động:** [ ]  Sản xuất giống [ ]  Nuôi thương phẩm [ ]  Làm cảnh

**5. Thị trường tiêu thụ**: [ ]  Nội địa [ ]  Xuất khẩu [ ]  Cả nội địa, xuất khẩu

**6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh** ...................................... trên đối tượng…...................................................................................................

**7. Hồ sơ đăng ký gồm:** (*Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định*).

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người làm đơn***(ký tên, đóng dấu) (\*)* |

*(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)*

|  |
| --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |

*…......., ngày…… tháng …… năm ……..*

**BÁO CÁO ĐIỀU KIỆN**

**CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN**

Kính gửi: ………………………………………..

**1. Vị trí cơ sở:**

- Các khu vực xung quanh………………………………………………...

**-** Hệ thống bao quanh cơ sở**:** Có [ ]  Không [ ] ; ngăn cách với cơ sở xung quanh bằng .............................................................................................

- Nguồn nước: Ngọt [ ]  Mặn [ ]

- Vị trí giao thông:……………………………………………………...…

- Hệ thống điện: ………………….………………………………………

**2. Điều kiện cơ sở sản xuất**

2.1. Diện tích cơ sở (ghi chi tiết từng hạng mục): ………………………………

2.2. Điều kiện cơ sở hạ tầng……………………………………………………...

2.2.1. Sơ đồ bố trí mặt bằng (bản vẽ kèm theo)

Hệ thống bể trong khu vực có mái che: Có [ ]  Không [ ]

2.2.2. Hệ thống ao và cấp thoát nước

- Hệ thống ao bể Có [ ]  Không [ ]

- Hệ thống cấp thoát nước Có [ ]  Không [ ]

- Khu vực xử lý Có [ ]  Không [ ]

2.3. Trang thiết bị phục vụ sản xuất

2.4. Thực trạng sản xuất

2.4.1. Thực hiện vệ sinh tiêu độc khử trùng đối với:

- Hệ thống ao, bể: Không [ ]  Có [ ]  Loại hóa chất:……….

- Thiết bị, dụng cụ: Không [ ]  Có [ ]  Loại hóa chất:……….

- Nguồn nước: Không [ ]  Có [ ]  Loại hóa chất:……….

- Xử lý thủy sản chết: Không [ ]  Có [ ]  Loại hóa chất:……….

- Vệ sinh cá nhân: Không [ ]  Có [ ]

2.4.2. Biện pháp phòng bệnh

- Xử lý khi cải tạo ao, bể: Không [ ]  Có [ ]

Loại hóa chất: ............................................................................................

- Thay nước định kỳ: Không [ ]  Có [ ]

- Dinh dưỡng: Không [ ]  Có [ ]  Nếu có, ghi rõ Loại gì: ..................................................................................................

- Vệ sinh ao/bể: Không [ ]  Có [ ]  Nếu có, ghi rõ

Loại hóa chất: ............................................................................................

2.4.3.Tình hình sử dụng các loại hóa chất, kháng sinh:

- Kháng sinh Không [ ]  Có [ ]  Nếu có, ghi rõ

Loại gì: ……………………………………………………………………

- Diệt khuẩn định kỳ Không [ ]  Có [ ]  Nếu có, ghi rõ

Loại hóa chất: …………………………………………………………….

- Bón vi sinh định kỳ Không [ ]  Có [ ]  Nếu có, ghi rõ

Loại gì: ..................................................................................................

2.5. Hồ sơ ghi chép

2.5.1. Ghi chép theo dõi số lượng thủy sản bố mẹ nhập, xuất

 Ghi chép theo dõi số lượng thủy sản giống xuất

 Ghi chép quá trình nuôi, chăm sóc thủy sản

2.5.2. Ghi chép tình hình dịch bệnh tại cơ sở: Không [ ]  Có [ ]  Lý do:

Có xét nghiệm bệnh trước khi cho thủy sản sinh sản không?..................

Nếu có xét nghiệm bệnh gì?..............................Đơn vị xét nghiệm?...................................

Nếu phát hiện có tác nhân gây bệnh, xử lý như thế nào?.......................

 **Chủ cơ sở**

 *(ký tên, đóng dấu) (\*)*

*(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)*

**8. Thủ tụcCấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cơ sở có kết quả đánh giá chưa đạt yêu cầu có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2:Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**.**

Bước 3:Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4:Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:**Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Thành phần hồ sơ:

-Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo kết quả khắc phục các nội dung chưa đạt yêu cầu.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**15 ngày làm việc

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở có kết quả đánh giá chưa đạt yêu cầu.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

**f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh. Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

**g) Phí, lệ phí:**300.000 đồng.

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính**: Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**: Không

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.................., ngày tháng năm ……..*

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**

**CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

**1. Tên cơ sở :** ………………………………..……………….…………………

Địa chỉ: ………………………………..…………………….…………………..

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

**2. Tên chủ cơ sở:** ................................................................................................

Địa chỉ thường trú: ..............................................................................................

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

**3. Đăng ký chứng nhận:** [ ]  Lần đầu [ ]  Đánh giá lại

 [ ]  Cấp lại [ ]  Bổ sung

[ ]  Cấp đổi

Lý do khác: ....................................................

**(***ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi:* **.........…………………………...**

**…………………………………………………………………………………..)**

**4. Loại hình hoạt động:** [ ]  Sản xuất giống [ ]  Nuôi thương phẩm [ ]  Làm cảnh

**5. Thị trường tiêu thụ**: [ ]  Nội địa [ ]  Xuất khẩu [ ]  Cả nội địa, xuất khẩu

**6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh** ...................................... trên đối tượng…...................................................................................................

**7. Hồ sơ đăng ký gồm:** (*Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định*).

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người làm đơn***(ký tên, đóng dấu) (\*)* |

*(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN…**  |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc* |
| Số: ......................... |  | *………., ngày ..… tháng…… năm .....* |
| V/v đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn |  |  |

Kính gửi: (Tên Cơ quan thú y)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ……….. đề nghị (tên Cơ quan thú y) xét duyệt hồ sơ đăng ký và cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.

Thông tin liên lạc:

Họ và tên:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

 Kèm theo là …………………………………………….../.

(Trường hợp cấp đổi phải ghi rõ lý do)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;- UBND huyện (để báo cáo);...; - Lưu: ........  | TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**CHỦ TỊCH***Ký tên, đóng dấu* |

**9. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: 03 (ba) tháng trước thời điểm Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hết hiệu lực,cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2:Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**.**

Bước 3:Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4:Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:**Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký hoặc văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, VIb, VIc ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo kết quả hoạt động trong thời hạn ghi tại Giấy chứng nhận, gồm: Số lượng giống xuất, nhập tại cơ sở; sản lượng động vật thương phẩm xuất bán cho mỗi vụ, đợt trong năm; báo cáo kết quả hoạt động thú y tại cơ sở; kết quả phòng bệnh bằng vắc xin;

-Báo cáo kết quả giám sát dịch bệnh tại cơ sở kèm theo bản sao kết quả xét nghiệm bệnh của Phòng thử nghiệm được chỉ định, Giấy chứng nhận kiểm dịch;

-Kết quả đánh giá định kỳ (nếu có).

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- 07 ngày làm việc: với trường hợp đã được đánh giá định kỳmà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng.

- 17 ngày làm việc: với trường hợp chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tại địa phương.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

**f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

**g) Phí, lệ phí:** 300.000 đồng.

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đăng ký hoặc văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, VIb, VIc ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Thực hiện Kế hoạch giám sát dịch bệnh đối với bệnh đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn, bao gồm cả việc thu mẫu đúng, đủ số lượng với tần suất tối thiểu 01 (một) năm/lần và gửi mẫu xét nghiệm bệnh tại Phòng thử nghiệm được chỉ định;

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.................., ngày tháng năm ……..*

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**

**CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

**1. Tên cơ sở :** ………………………………..……………….…………………

Địa chỉ: ………………………………..…………………….…………………..

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

**2. Tên chủ cơ sở:** ................................................................................................

Địa chỉ thường trú: ..............................................................................................

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

**3. Đăng ký chứng nhận:** [ ]  Lần đầu [ ]  Đánh giá lại

 [ ]  Cấp lại [ ]  Bổ sung

[ ]  Cấp đổi

Lý do khác: ....................................................

**(***ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi:* **.........…………………………...**

**…………………………………………………………………………………..)**

**4. Loại hình hoạt động:** [ ]  Sản xuất giống [ ]  Nuôi thương phẩm [ ]  Làm cảnh

**5. Thị trường tiêu thụ**: [ ]  Nội địa [ ]  Xuất khẩu [ ]  Cả nội địa, xuất khẩu

**6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh** ...................................... trên đối tượng…...................................................................................................

**7. Hồ sơ đăng ký gồm:** (*Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định*).

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người làm đơn***(ký tên, đóng dấu) (\*)* |

*(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN…**  |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc* |
| Số: ......................... |  | *………., ngày ..… tháng…… năm .....* |
| V/v đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn |  |  |

Kính gửi: (Tên Cơ quan thú y)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ……….. đề nghị (tên Cơ quan thú y) xét duyệt hồ sơ đăng ký và cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.

Thông tin liên lạc:

Họ và tên:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

 Kèm theo là …………………………………………….../.

(Trường hợp cấp đổi phải ghi rõ lý do)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- UBND huyện (để báo cáo);- Lưu: ........  | TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**CHỦ TỊCH***Ký tên, đóng dấu* |

**10. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: 03 tháng trước thời điểm Giấy chứng nhậncơ sở an toàn dịch bệnh hết hiệu lực, cơ sở sản xuất thủy sản giống, nuôi trồng thủy sản có nhu cầu cấp lại chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2:Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**.**

Bước 3:Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4:Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:**Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo kết quả hoạt động trong thời hạn ghi tại Giấy chứng nhận, gồm: Số lượng giống xuất, nhập tại cơ sở; sản lượng động vật thương phẩm xuất bán cho mỗi vụ, đợt trong năm; báo cáo kết quả hoạt động thú y tại cơ sở;

-Báo cáo kết quả giám sát dịch bệnh tại cơ sở kèm bản sao kết quả xét nghiệm bệnh của Phòng thử nghiệm được chỉ định, Giấy chứng nhận kiểm dịch;

-Kết quả đánh giá định kỳ (nếu có).

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- 07 ngày làm việc: đối với trường hợp cơ sở đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá không quá 12 tháng

- 17 ngày: đối với trường hợp còn lại

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

**f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

**g) Phí, lệ phí:** 300.000 đồng

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**:

- Thực hiện Kế hoạch giám sát dịch bệnh đối với bệnh đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn, bao gồm cả việc thu mẫu đúng, đủ số lượng với tần suất tối thiểu 01 (một) năm/lần và gửi mẫu xét nghiệm bệnh tại Phòng thử nghiệm được chỉ định;

- Thực hiện các quy định về phòng chống dịch bệnh tại cơ sở;

- Báo cáo Cơ quan thú y những thay đổi liên quan đến nội dung được chứng nhận chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ ngày có thay đổi.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.................., ngày tháng năm ……..*

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**

**CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

**1. Tên cơ sở :** ………………………………..……………….…………………

Địa chỉ: ………………………………..…………………….…………………..

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

**2. Tên chủ cơ sở:** ................................................................................................

Địa chỉ thường trú: ..............................................................................................

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

**3. Đăng ký chứng nhận:** [ ]  Lần đầu [ ]  Đánh giá lại

 [ ]  Cấp lại [ ]  Bổ sung

[ ]  Cấp đổi

Lý do khác: ....................................................

**(***ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi:* **.........…………………………...**

**…………………………………………………………………………………..)**

**4. Loại hình hoạt động:** [ ]  Sản xuất giống [ ]  Nuôi thương phẩm [ ]  Làm cảnh

**5. Thị trường tiêu thụ**: [ ]  Nội địa [ ]  Xuất khẩu [ ]  Cả nội địa, xuất khẩu

**6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh** ...................................... trên đối tượng…...................................................................................................

**7. Hồ sơ đăng ký gồm:** (*Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định*).

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người làm đơn***(ký tên, đóng dấu) (\*)* |

*(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)*

**11. Thủ tục Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc dưới nước)**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Các cơ sởcó Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật bị rách, cũ nát hoặc bị mất có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhậnchuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2:Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**.**

Bước 3:Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4:Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:**Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Thành phần hồ sơ:

-Đơn đăng ký hoặc văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT);

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**02 ngày làm việc

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: cơ sở an toàn dịch bệnh đã được cấp giấy chứng nhận

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

**f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận: giữ nguyên thời hạn của Giấy chứng nhận cũ.

**g) Phí, lệ phí:**không.

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

-Đơn đăng ký hoặc văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT);

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.................., ngày tháng năm ……..*

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**

**CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

**1. Tên cơ sở :** ………………………………..……………….…………………

Địa chỉ: ………………………………..…………………….…………………..

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

**2. Tên chủ cơ sở:** ................................................................................................

Địa chỉ thường trú: ..............................................................................................

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

**3. Đăng ký chứng nhận:** [ ]  Lần đầu [ ]  Đánh giá lại

 [ ]  Cấp lại [ ]  Bổ sung

[ ]  Cấp đổi

Lý do khác: ....................................................

**(***ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi:* **.........…………………………...**

**…………………………………………………………………………………..)**

**4. Loại hình hoạt động:** [ ]  Sản xuất giống [ ]  Nuôi thương phẩm [ ]  Làm cảnh

**5. Thị trường tiêu thụ**: [ ]  Nội địa [ ]  Xuất khẩu [ ]  Cả nội địa, xuất khẩu

**6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh** ...................................... trên đối tượng…...................................................................................................

**7. Hồ sơ đăng ký gồm:** (*Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định*).

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người làm đơn***(ký tên, đóng dấu) (\*)* |

*(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN…**  |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc* |
| Số: ......................... |  | *………., ngày ..… tháng…… năm .....* |
| V/v đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn |  |  |

Kính gửi: (Tên Cơ quan thú y)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ……….. đề nghị (tên Cơ quan thú y) xét duyệt hồ sơ đăng ký và cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.

Thông tin liên lạc:

Họ và tên:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

 Kèm theo là …………………………………………….../.

(Trường hợp cấp đổi phải ghi rõ lý do)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;- UBND huyện (để báo cáo);-Lưu: ........  | TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**CHỦ TỊCH***Ký tên, đóng dấu* |

**12. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật có nhu cầu bổ sung thêm bệnh được chứng nhận an toàn dịch bệnh chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2:Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**.**

Bước 3:Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4:Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:**Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Thành phần hồ sơ:

-Đơn hoặc Văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND xã đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh bệnh (Phụ lục VIa, VIb, ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo kết quả giám sát.

-Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm (là kết quả thu mẫu gửi xét nghiệm khi kiểm tra tại vùng)

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết**: 20 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tại địa phương.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

**f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận: giữ nguyên thời hạn của Giấy chứng nhận cũ.

**g) Phí, lệ phí:**300.000 đồng

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

-Đơn hoặc Văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND xã đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh bệnh (Phụ lục VIa, VIb, ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ sở đã thực hiện giám sát theo quy định, không có ca bệnh của bệnh đăng ký bổ sung công nhận an toàn trong ít nhất 12 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký;

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.................., ngày tháng năm ……..*

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**

**CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

**1. Tên cơ sở :** ………………………………..……………….…………………

Địa chỉ: ………………………………..…………………….…………………..

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

**2. Tên chủ cơ sở:** ...............................................................................................

Địa chỉ thường trú: ..............................................................................................

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

**3. Đăng ký chứng nhận:** [ ]  Lần đầu [ ]  Đánh giá lại

 [ ]  Cấp lại [ ]  Bổ sung

[ ]  Cấp đổi

Lý do khác: ....................................................

**(***ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi:* **.........…………………………...**

**…………………………………………………………………………………..)**

**4. Loại hình hoạt động:** [ ]  Sản xuất giống [ ]  Nuôi thương phẩm [ ]  Làm cảnh

**5. Thị trường tiêu thụ**: [ ]  Nội địa [ ]  Xuất khẩu [ ]  Cả nội địa, xuất khẩu

**6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh** ...................................... trên đối tượng…...................................................................................................

**7. Hồ sơ đăng ký gồm:** (*Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định*).

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người làm đơn***(ký tên, đóng dấu) (\*)* |

*(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN…**  |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc* |
| Số: ......................... |  | *………., ngày ..… tháng…… năm .....* |
| V/v đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn |  |  |

Kính gửi: (Tên Cơ quan thú y)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ……….. đề nghị (tên Cơ quan thú y) xét duyệt hồ sơ đăng ký và cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.

Thông tin liên lạc:

Họ và tên:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

 Kèm theo là …………………………………………….../.

(Trường hợp cấp đổi phải ghi rõ lý do)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;- UBND huyện (để báo cáo);- Lưu: ........  | TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**CHỦ TỊCH***Ký tên, đóng dấu* |

**13. Thủ tụcCấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật có nhu cầu bổ sung thêm bệnh được chứng nhận an toàn dịch bệnh chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2:Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**.**

Bước 3:Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4:Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:**Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Thành phần hồ sơ:

-Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo kết quả giám sát

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**20 ngày làm việc

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cơ sở an toàn dịch bệnh

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

**f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

**g) Phí, lệ phí:** 300.000 đồng.

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

-Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Cơ sở sản xuất giống thủy sản:

+ Người trực tiếp tham gia sản xuất thủy sản giống phải có kiến thức về bệnh mà cơ sở đang thực hiện giám sát, đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh;

+ Có Phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc hợp đồng với Phòng thử nghiệm được chỉ định đủ năng lực xét nghiệm đối với bệnh mà cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh.

\* Đối với Cơ sở nuôi động vật thủy sản thương phẩm

+ Người trực tiếp nuôi động vật thủy sản phải có kiến thức về bệnh mà cơ sở đang thực hiện giám sát.

+ Có Phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc hợp đồng với Phòng thử nghiệm được chỉ định đủ năng lực xét nghiệm đối với bệnh mà cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh.

+Cơ sở đã thực hiện giám sát theo quy định. Không có động vật thủy sản mắc bệnh đăng ký chứng nhận an toàn trong ít nhất 06 (sáu) tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.................., ngày tháng năm ……..*

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**

**CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

**1. Tên cơ sở :** ………………………………..……………….…………………

Địa chỉ: ………………………………..…………………….…………………..

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

**2. Tên chủ cơ sở:** ................................................................................................

Địa chỉ thường trú: ..............................................................................................

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

**3. Đăng ký chứng nhận:** [ ]  Lần đầu [ ]  Đánh giá lại

 [ ]  Cấp lại [ ]  Bổ sung

[ ]  Cấp đổi

Lý do khác: ....................................................

**(***ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi:* **.........…………………………...**

**…………………………………………………………………………………..)**

**4. Loại hình hoạt động:** [ ]  Sản xuất giống [ ]  Nuôi thương phẩm [ ]  Làm cảnh

**5. Thị trường tiêu thụ**: [ ]  Nội địa [ ]  Xuất khẩu [ ]  Cả nội địa, xuất khẩu

**6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh** ...................................... trên đối tượng…...................................................................................................

**7. Hồ sơ đăng ký gồm:** (*Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định*).

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người làm đơn***(ký tên, đóng dấu) (\*)* |

*(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)*

**14. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Các cơ sởcó Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhậnchuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2:Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**.**

Bước 3:Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4:Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:**Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Thành phần hồ sơ:

-Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc văn bản đề nghị chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở chăn nuôi cấp xã (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT)

- Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động duy trì;

- Bản sao các kết quả xét nghiệm

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết**: 13 ngày làm việc

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cơ sở an toàn dịch bệnh.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

**f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh. Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

**g) Phí, lệ phí:** 300.000 đồng.

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

-Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc văn bản đề nghị chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở chăn nuôi cấp xã (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT)

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ sở có nhu cầu và tự nguyện đăng ký để được chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

- Cơ sở đã thực hiện giám sát theo quy định, không có động vật thủy sản mắc bệnh được chứng nhận an toàn trong ít nhất 06 tháng kể từ khi nơi nuôi giữ động vật thủy sản mắc bệnh cuối cùng của cơ sở được tiêu hủy hoặc kể từ khi xử lý xong động vật thủy sản mang mầm bệnh hoặc không có ca bệnh của bệnh được chứng nhận an toàn trong ít nhất 03 tháng kể từ khi con vật mắc bệnh cuối cùng được xử lý hoặc khỏi bệnh.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.................., ngày tháng năm ……..*

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**

**CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

**1. Tên cơ sở :** ………………………………..……………….…………………

Địa chỉ: ………………………………..…………………….…………………..

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

**2. Tên chủ cơ sở:** ................................................................................................

Địa chỉ thường trú: ..............................................................................................

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

**3. Đăng ký chứng nhận:** [ ]  Lần đầu [ ]  Đánh giá lại

 [ ]  Cấp lại [ ]  Bổ sung

[ ]  Cấp đổi

Lý do khác: ....................................................

**(***ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi:* **.........…………………………...**

**…………………………………………………………………………………..)**

**4. Loại hình hoạt động:** [ ]  Sản xuất giống [ ]  Nuôi thương phẩm [ ]  Làm cảnh

**5. Thị trường tiêu thụ**: [ ]  Nội địa [ ]  Xuất khẩu [ ]  Cả nội địa, xuất khẩu

**6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh** ...................................... trên đối tượng…...................................................................................................

**7. Hồ sơ đăng ký gồm:** (*Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định*).

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người làm đơn***(ký tên, đóng dấu) (\*)* |

*(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN…**  |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ......................... |  | *………., ngày ..… tháng…… năm .....* |
| V/v đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn |  |  |

Kính gửi: (Tên Cơ quan thú y)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ……….. đề nghị (tên Cơ quan thú y) xét duyệt hồ sơ đăng ký và cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.

Thông tin liên lạc:

Họ và tên:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

 Kèm theo là …………………………………………….../.

(Trường hợp cấp đổi phải ghi rõ lý do)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;- UBND huyện (để báo cáo);- Lưu: ........  | TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**CHỦ TỊCH***Ký tên, đóng dấu* |

## 15. Thủ tục Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm

**a) Trình tự thực hiện:**Tổ chức, cá nhân khi vận chuyển động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm phải đăng ký kiểm dịch với Chi cục Chăn nuôi và Thú y hoặc Trạm kiểm dịch thú y cấp huyện được ủy quyền

**b) Cách thức thực hiện:**Gửi hồ sơ trực tiếp

**c) Hồ sơ:**Đơn đăng ký kiểm dịch

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức, cá nhân

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**Chi cục Chăn nuôi và thú y hoặc Trạm kiểm dịch thú y được ủy quyền

**f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**Giấy chứng nhận kiểm dịch

**g) Phí, lệ phí:**Mức thu phí, lệ phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật theo quy định tại Mục III của biểu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành kèm theo Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; phí tiêu độc khử trùng phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thực hiện theo Mục II của phụ lục 1, ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** không quy định

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**j) Căn cứ pháp lý:**

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

**16. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale- CFS) đối với giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi.**

**a)Trình tự thực hiện**

**Bước 1:** Tổ chức chuẩn bị hồ sơ theo quy định; nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT Trà Vinh.

Công chức tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận trao cho tổ chức, cá nhân. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung theo đúng quy định.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường Bưu điện: Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký cấp CFS, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ Chi cục Thú y Trà Vinh sẽ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT Trà Vinh).

Chuyển hồ sơ đến Chi cục Thú y giải quyết

**Bước 2:** Thẩm định hồ sơ

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký cấp CFS, Chi cục Thú y sẽ cấp Giấy chứng nhận CFS. Giấy chứng nhận CFS có hiệu lực tối đa 2 năm kể từ ngày cấp.

+Trường hợp sản phẩm, hàng hoá không đáp ứng điều kiện để cấp CFS như quy định, Chi cục Thú y thông báo bằng văn bản cho người đề nghị cấp CFS nêu rõ lý do về việc không cấp CFS cho các sản phẩm đã đề nghị cấp CFS.

+ Trường hợp nhận thấy việc kiểm tra trên hồ sơ là chưa đủ căn cứ để cấp CFS hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật đối với các CFS đã cấp trước đó, Chi cục Thú y có thể tiến hành kiểm tra tại nơi sản xuất hoặc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp đủ năng lực thực hiện. Chi phí kiểm tra do người đề nghị cấp CFS chi trả.

**Bước 3:**Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNTTrà Vinh hoặc gửi kết quả qua đường Bưu điện.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b)Cách thức thực hiện:** Gửi văn bản trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện.

**c)Thành phần hồ sơ:**

\*Thành phần hồ sơ: Người đề nghị đăng ký CFS phải đăng ký hồ sơ thương nhân với cơ quan cấp CFS lần đầu tiên và chỉ được xem xét cấp CFS khi đã đăng ký hồ sơ thương nhân. Hồ sơ bao gồm:

**- Hồ sơ thương nhân:**

+ Đăng ký mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký đơn đề nghị cấp CFS và con dấu của thương nhân (theo Phụ lục II Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg ngày 10/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ).

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của thương nhân (bản sao có dấu sao y bản chính).

+ Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế (bản sao có dấu sao y bản chính).

+ Danh mục các cơ sở sản xuất (nếu có) của thương nhân (theo Phụ lục III Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg ngày 10/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ).

**- Hồ sơ xin cấp CFS:**

+ Đơn đề nghị cấp CFS được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ theo mẫu quy định tại phụ lục II.a (Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

+ Bản sao có chứng thực xác nhận công bố hợp chuẩn, hoặc công bố hợp quy phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

+ Yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu (nếu có).

\*Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**d)Thời hạn giải quyết:**Không quá 05 ngày làm việc.

**e)Đối tượng thực hiện TTHC:**Tổ chức, cá nhân

**f)Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y Trà Vinh

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thú y Trà Vinh.

**g)Phí, lệ phí:**

- Lệ phí: 150.000 đồng/1 lần cấp/1 sản phẩm.

- Phí thẩm xét hồ sơ: 1.000.000 đồng/1 sản phẩm.

**h)Tên mẫu đơn tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp CFS (Phụ lục II.a,Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Đăng ký mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký đơn đề nghị cấp CFS và con dấu của thương nhân (Phụ lục II, Quyết định số 10/2010/QĐ-TTgngày 10/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ).

- Danh mục các cơ sở sản xuất (nếu có) của thương nhân (Phụ lục III, Quyết định 10/2010/QĐ-TTgngày 10/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ).

**i)Kết quả thực hiện TTHC:**Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale - CFS).

**j)Yêu cầu thực hiện TTHC:**

- Có yêu cầu của thương nhân xuất khẩu.

- Được xác nhận công bố hợp chuẩn hoặc công bố hợp quy phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- Yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu về cấp CFS (nếu nước nhập khẩu có quy định).

**k)Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg ngày 10/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ, về việc quy định giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu;

- Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc quy định giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ;

- Thông tư số 149/2013/TT-BTC ngày 29/10/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm.

**\* Mẫu đơn, tờ khai:**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH TỰ DO (CFS) CHO SẢN PHẨM HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU ĐỐI VỚI GIỐNG VẬT NUÔI, THỨC ĂN CHĂN NUÔI VÀ VẬT TƯ CHUYÊN DÙNG TRONG CHĂN NUÔI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên tổ chức**Địa chỉ: ………………………Số điện thoại: ………………..Số Fax: ………………………Email: ………………………. | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***……., ngày ………tháng …… năm……* |

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai

 Để đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu, [Tên tổ chức/thương nhân] đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với các sản phẩm, hàng hoá thuộc phạm vi sản xuất, kinh doanh của [Tên tổ chức/thương nhân] như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên sản phẩm | Số hiệu tiêu chuẩn/quy chuẩn | Thành phần hàm lượng hoạt chất(nếu có) | Nước nhập khẩu |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Các giấy tờ kèm theo (đề nghị đánh dấu x nếu có):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Tên loại giấy tờ | Có (x) |
| 1 | Hồ sơ thương nhân. |  |
| 2 | Bản sao có công chứng xác nhận công bố hợp chuẩn, hoặc công bố hợp quy phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. |  |
| 3 | Bản sao có công chứng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép đầu tư) của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do. |  |
| 4 | Yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu/nhà nhập khẩu (nếu có). |  |

 Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin đã kê khai và của các tài liệu trong hồ sơ.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Người đại diện theo pháp luật hoặc người được uỷ quyền của tổ chức ký và đóng dấu)* |

**Phụ lục II**

**ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CFS VÀ MẪU CON DẤU CỦA THƯƠNG NHÂN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2010**/QĐ-TTg*

*ngày 10 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)*

 *........., ngày.......tháng........năm..........*

Kính gửi: ............................................................... (*tên của Tổ chức cấp CFS*)

Công ty: ..................................................................... (*tên doanh nghiệp*)

Địa chỉ: .................................................................. (*địa chỉ của doanh nghiệp*)

1. Đề nghị được đăng ký các cá nhân của doanh nghiệp có tên, mẫu chữ ký và dấu dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Chức vụ | Mẫu chữ ký | Mẫu dấu |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Có thẩm quyền hoặc được ủy quyền ký trên đơn đề nghị cấp mẫu CFS.

2. Đăng ký các cá nhân có tên dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Chức danh | Phòng (Công ty) | Số CMND |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Được ủy quyền tới liên hệ cấp CFS tại ... (*tên của Tổ chức cấp CFS*).

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký, ủy quyền này.

 **CÔNG TY ...........................**

*(Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp*

 *hoặc người được ủy quyền)*

 *(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục III**

**DANH MỤC CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT CỦA THƯƠNG NHÂN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg*

 *ngày 10 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)*

*......., ngày.......tháng........năm..........*

Kính gửi: ………………………………….....(*tên của cơ quan cấp CFS*)

Công ty: ....................................................................... (*tên doanh nghiệp*)

Địa chỉ: ............................................................(*địa chỉ của doanh nghiệp*)

Đề nghị được đăng ký các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu của doanh nghiệp chúng tôi như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên, địa chỉ, điện thoại, fax của cơ sở | Phụ trách cơ sở | Diện tích nhà xưởng | Mặt hàng sản xuất để xuất khẩu*(ghi riêng từng dòng cho mỗi mặt hàng)* |
| Tên hàng | Số lượng công nhân | Số lượng máy móc | Công suấttheo tháng |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký này.

 **CÔNG TY ...........................**

 (Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

 hoặc người được ủy quyền)

 *(Ký tên, đóng dấu)*

**17. Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale- CFS) đới với giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi**

**a)Trình tự thực hiện**

**Bước 1:** Tổ chức chuẩn bị hồ sơ theo quy định; nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT Trà Vinh.

Công chức tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận trao cho tổ chức, cá nhân. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung theo đúng quy định.

+ Đối với hồ sơ gửi qua đường Bưu điện: Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký cấp CFS, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ Chi cục Thú y Trà Vinh sẽ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT Trà Vinh).

Chuyển hồ sơ đến Chi cục Thú y giải quyết

**Bước 2:** Thẩm định hồ sơ

+ Trong vòng 04 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị cấp lại CFS, Chi cục Thú y xem xét, đối chiếu với hồ sơ gốc đã cấp CFS được lưu tại Chi cục Thú y.

+ Cấp bản sao Giấy chứng nhận CFS đối với các trường hợp: Giấy chứng nhận CFS gốc vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, thất lạc; bị hư hỏng, không thể tiếp tục sử dụng. Bản sao này phải mang dòng chữ “CERTIFIED TRUE COPY” (bản sao chứng thực), ngày cấp và thời hạn hiệu lực theo bản CFS gốc.

+ Cấp lại CFS mới đối với trường hợp: Khi phát hiện có sai sót trên CFS do lỗi của người đề nghị cấp CFS hoặc lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp CFS.

+ Trường hợp không cấp lại, cơ quan thẩm quyền cấp CFS thông báo rõ lý do bằng văn bản cho người đề nghị cấp CFS.

**Bước 3:**Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNTTrà Vinh hoặc gửi kết quả qua đường Bưu điện.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**b)Cách thức thực hiện:**Gửi văn bản trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện.

**c)Thành phần hồ sơ:**

\*Thành phần hồ sơ:

 Đơn đề nghị cấp lại CFS(theo mẫu phụ lục II b, Thông tư số 63/TT-BNNPTNTngày 01/11/2010của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

\*Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**d)Thời hạn giải quyết:**Không quá 04 ngày làm việc.

**e)Đối tượng thực hiện TTHC:**Tổ chức, cá nhân

**f)Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y Trà Vinh

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thú y Trà Vinh.

**g)Phí, lệ phí:** không

**h)Tên mẫu đơn tờ khai:**

Đơn đề nghị cấp lại CFS (Phụ lục II.b, Thông tư số 63/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

**i)Kết quả thực hiện TTHC:**Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale - CFS) hoặc Bản sao Giấy chứng nhận lưu hành tự do.

**j)Yêu cầu thực hiện TTHC:**

- Giấy chứng nhận CFS gốc vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, thất lạc.

- Giấy chứng nhận CFS gốc vẫn còn hiệu lực nhưng bị hư hỏng, không thể tiếp tục sử dụng.

- Khi phát hiện có sai sót trên CFS do lỗi của người đề nghị cấp CFS hoặc lỗi của Cơ quan cấp giấy chứng nhận.

**k)Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg ngày 10/02/2010 của Thủ tướng Chính phủquy định giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu.

+ Thông tư 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thônhướng dẫn việc quy định giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

**\* Mẫu đơn, tờ khai:**

PHỤ LỤC II.b

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CFS**

*(Ban hành kèm theo Thông tư 63 /TT-BNNPTNT ngày 01 / 11 /2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Tổ chứcĐịa chỉ:............................. Số điện thoại:....................Số fax:................................ Email: ............................... | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_* *............ngày.........tháng..........năm.......* |

Kính gửi: [tên Cơ quan cấp CFS]

            Để đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu, [Tên tổ chức/thương nhân] đề nghị [Tên cơ quan cấp CFS] cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với các sản phẩm, hàng hoá thuộc phạm vi sản xuất, kinh doanh của [Tên tổ chức] như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên sản phẩm | Số hiệu tiêu chuẩn/quy chuẩn  | Thành phần, hàm lượng hoạt chất (nếu có) | Nước nhập khẩu | Số và ngày cấp của CFS gốc |
| 1 |   |   |   |   |   |
| 2 |   |   |   |   |   |
| 3 |   |   |   |   |   |
| 4 |   |   |   |   |   |

[Tên tổ chức/tôi-đối với các nhân] đề nghị [Tên cơ quan cấp CFS] cấp lại CFS cho các sản phẩm, hàng hóa trên.

Lý do: *(Đánh dấu* ***√*** *vào các ô tương ứng)*

**⁭**Mất **⁮**Thất lạc **⁯**Hư hỏng **⁯**Có sai sót

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin đã kê khai.

*(Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của tổ chức ký và đóng dấu).*

**18. Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y**

**A. Nội dung thủ tục hành chính (TTHC)**

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định. Trường hợp gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y, nộp hồ sơ trước khi chứng chỉ hành nghề hết hạn 30 ngày

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Bước 3:Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời (trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ).

Bước 4: Nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:

\* Thành phần hồ sơ:

\*Trường hợp cấp mới

- Đơn đăng ký cấp/gian hạn chứng chỉ hành nghề theo Phụ lục 3 Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ;

- Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân;

- Giấy chứng nhận sức khỏe;

- Văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với từng loại hình hành nghề thú y;

- 02 ảnh 4x6.

- Lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (Đối với người nước ngoài);

\* Trường hợp gia hạn

- Đơn đăng ký cấp/gian hạn chứng chỉ hành nghề theo Phụ lục 3 Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ;

- Giấy chứng nhận sức khỏe;

- 02 ảnh 4x6.

- Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp cấp mới)

- 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp gia hạn)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề thú y

- Chứng chỉ hành nghề thú y có giá trị 05 năm.

g) Phí, lệ phí: 50.000 đồng/CCHN

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:Đơn đăng ký cấp/gia hạn chứng chỉ hành nghề theo Phụ lục 3 Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ;

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người hành nghề chẩn đoán, chữa bệnh, phẫu thuật động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y tối thiểu phải có bằng trung cấp chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc trung cấp nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản. Người hành nghề tiêm phòng cho động vật phải có chứng chỉ tốt nghiệp lớp đào tạo về kỹ thuật do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp tỉnh cấp.

- Người phụ trách kỹ thuật của cơ sở phẫu thuật động vật, khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật phải có bằng đại học trở lên chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản.

- Người buôn bán thuốc thú y phải có bằng trung cấp trở lên chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc trung cấp nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản.

- Chứng chỉ hành nghề thú y về tiêm phòng, chẩn đoán, chữa bệnh, phẫu thuật động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y được sử dụng trong phạm vi cả nước. Cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề không ghi vào Mục địa Điểm hành nghề;

- Chứng chỉ hành nghề thú y của người phụ trách kỹ thuật tại cơ sở phẫu thuật động vật, khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật, buôn bán thuốc thú y được sử dụng trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Người hành nghề phải có đạo đức nghề nghiệp;

- Người hành nghề có đủ sức khỏe hành nghề.

j) Căn cứ pháp lý:

- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y;

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y, Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thự phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------------

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y

Kính gửi: Chi cục……

Tên tôi là: ……………………………………………………………………….

Ngày tháng năm sinh: ……………………………………………………………

Địa chỉ thường trú: ……………………………………………………………..

Bằng cấp chuyên môn: ………………………………………………………….

Ngày cấp: ……………………………………………………………………….

Nay đề nghị Quý cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề:

□ Tiêm phòng, chữa bệnh, tiểu phẫu (thiến, cắt đuôi) động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y.

□ Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật.

□ Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.

□ Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.

Tại: ………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………Địa chỉ hành nghề: ………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………Tôi cam đoan chấp hành nghiêm túc những quy định của pháp luật và của ngành thú y.

(Ghi chú: Nộp 02 ảnh 4x6)

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……., ngày….. tháng ….. năm 20....Người đứng đơn |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------------

ĐƠN ĐĂNG KÝ
GIA HẠN CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y

Kính gửi: Chi cục Thú y

Tên tôi là: ……………………………………………………………………….

Ngày tháng năm sinh: ……………………………………………………………

Địa chỉ thường trú: ………………………………………………………………

Bằng cấp chuyên môn: …………………………………………………………

Đã được Chi cục... cấp Chứng chỉ hành nghề thú y:

□ Tiêm phòng, chữa bệnh, tiểu phẫu (thiến, cắt đuôi) động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y.

□ Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật.

□ Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.

□ Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.

Tại: …………………………………………Số CCHN: ……………………………………..

Ngày cấp: ………………………………………………………………………..

Nay đề nghị Quý Chi cục cấp gia hạn Chứng chỉ hành nghề trên.

Gửi kèm Chứng chỉ hành nghề hết hạn và 02 ảnh 4x6.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……., ngày….. tháng ….. năm 20....Người đứng đơnKý(Ghi rõ họ tên) |

**19. Thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)**

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Bước 3: Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4:Nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:Nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp lại;

- Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.

- 02 ảnh 4x6.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:Chi cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:Chứng chỉ hành nghề thú y

Chứng chỉ hành nghề thú y có giá trị trong thời hạn 05 năm.

g) Phí, lệ phí: 50.000 đồng/CCHN

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: không

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y;

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y, Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thự phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp

**20. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y**

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Bước 3: Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4:Nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:Nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

**c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Chứng chỉ hành nghề thú y.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc công văn trả lời

g) Phí, lệ phí: 230.000 đồng/ lần

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Chứng chỉ hành nghề

- Giấy phép kinh doanh

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Có địa điểm, cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp;

- Người quản lý, người trực tiếp bán thuốc thú y phải có Chứng chỉ hành nghề thú y

- Có đủ quầy, đủ, giá kệ để chứa, đựng và trưng bày sản phẩm phảo đảm bảo chắc chắn, đễ vệ sinh và tránh được những tác động bất lợi của ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, nấm mốc, động vật gậm nhấm và côn trùng gây hại

- Có trang thiết bị để bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn của sản phẩm; có nhiệt kế, ẩm kế theo dõi điều kiện bảo quản sản phẩm. Đối với cơ sở buôn bán vắcxin, chế phẩm sinh học phải có tủ lạnh, tủ mát hoặc kho lạnh; có nhiệt kế để kiểm tra điều kiện bảo quản; có máy phát điện dự phòng, vật dụng, phương tiện vận chuyển phân phối vacxin bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y;

- Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

\* Mẫu đơn, tờ khai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
------------

ĐƠN ĐĂNG KÝ, GIA HẠN KIỂM TRA
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y

Kính gửi: (1)

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

Tên cơ sở:

Địa chỉ cơ sở:

Số điện thoại: Fax:

Chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Các loại sản phẩm kinh doanh:

□ Thuốc dược phẩm □ Vắc xin, chế phẩm sinh học

□ Hóa chất □ Các loại khác

Đề nghị quý đơn vị tiến hành kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y cho cơ sở chúng tôi.

Hồ sơ gửi kèm (đối với đăng ký kiểm tra lần đầu):

a) Đơn đăng ký kiểm tra điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y;

b) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y;

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);

d) Chứng chỉ hành nghề buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký).

|  |  |
| --- | --- |
|  | ......., ngày … tháng …. năm …..Đại diện cơ sở(ký tên và đóng dấu nếu có) |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc
----------------

BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y

Kính gửi: (1) …………………………….

Tên cơ sở đăng ký kiểm tra:

Địa chỉ:

Số điện thoại: ..................... Fax: ……………..Email:

Loại hình đăng ký kinh doanh:

Xin giải trình điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y, cụ thể như sau:

1. Cơ sở vật chất: (mô tả kết cấu, diện tích quy mô cơ sở, các khu vực trưng bày/bày bán)

2. Trang thiết bị: (nêu đầy đủ tên, số lượng thiết bị phục vụ bảo quản thuốc thú y như tủ, quầy, kệ, ẩm kế, nhiệt kế, tủ lạnh,…..)

3. Hồ sơ sổ sách: (GCN đăng ký kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, sổ sách theo dõi mua bán hàng,...)

4. Danh mục các mặt hàng kinh doanh tại cơ sở

|  |  |
| --- | --- |
|  | …..,ngày …. tháng …. năm …..Chủ cơ sở đăng ký kiểm tra(Ký tên, đóng dấu nếu có) |

**21. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y**

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Bước 3: Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4:Nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:Nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXI ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi trong trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký;

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:Chi cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc công văn trả lời

g) Phí, lệ phí: không quy định

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXI ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y;

- Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT về quản lý thuốc thú y;

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN------- | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------- |
| Số: ……………. | (Địa danh), ngày ….. tháng ….. năm …… |

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

Giấy chứng nhận GMP, giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y

Kính gửi:(1) ……………………………………………..

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ:

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại: …………………………………………… Số Fax:

Chúng tôi đề nghị được cấp lại chứng nhận GMP, giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y: Số.....ngày…..tháng…..năm …….

Lý do đề nghị cấp lại:

- Bị mất, sai sót, hư hỏng

- Thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký.

Hồ sơ gửi kèm:

a) Các tài liệu liên quan đến sự thay đổi, bổ sung (nếu có);

b) Giấy chứng nhận GMP, giấy chứng nhận đủ điền kiện sản xuất, buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) |

Ghi chú: (1) Gửi Cục Thú y nếu cơ sở đề nghị cấp lại giấy chứng nhận GMP, giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, nhập khẩu thuốc thú y; gửi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nếu cơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

**22. Thủ tục Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y**

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Bước 3: Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4:Nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính:Nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XLII ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Bản sao chụp giấy chứng nhận đăng ký thuốc thú y;

- Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự);

- Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao (đóng dấu xác nhận của Doanh nghiệp).

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y

g) Phí, lệ phí: 900.000 đồng/giấy

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

-Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XLII ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT;

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN------- | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------- |
| Số: ………. |  |

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC THÚ Y

Kính gửi: (1)

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:

Địa chỉ:

Số điện thoại: ……………………Fax:…………………………. E-mail:

Số giấy phép hoạt động:

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:

Kính đề nghị ……... xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với thuốc thú y sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên thuốc thú y | Giấy chứng nhận đăng ký | Phương tiện quảng cáo |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |

Các tài liệu gửi kèm:

1

2

3

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Đại diện tổ chức, cá nhân(ký tên và đóng dấu nếu có) |

Ghi chú: (1) Gửi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nếu đăng ký quảng cáo tại địa phương; gửi Cục Thú y nếu đăng ký quảng cáo toàn quốc.

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢNTÊN CƠ QUAN XÁC NHẬNNỘI DUNG QUẢNG CÁOTHUỐC THÚ Y------- | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------- |
|  | (Địa danh), ngày …. tháng …. năm …. |

GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC THÚ Y

Số: /20... /XNQC-ký hiệu viết tắt của cơ quan có thẩm quyền

(Tên cơ quan có thẩm quyền)…………….. xác nhận:

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:

Địa chỉ:

Số điện thoại: …………………………Fax: ……………………….. E-mail:

Có nội dung quảng cáo (1) các thuốc thú y trong bảng dưới đây phù hợp với quy định hiện hành.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên thuốc thú y | Giấy chứng nhận lưu hành | Phương tiện quảng cáo |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quảng cáo thuốc thú y đúng nội dung đã được xác nhận.

|  |  |
| --- | --- |
|  | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ(Ký tên, đóng dấu) |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Ghi chú: (1). Nội dung quảng cáo được đính kèm Giấy xác nhận này.

**23. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn**

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Bước 3: Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4:Nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn hoặc Văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND xã đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh bệnh (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn Phụ lục IIa, IIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT;

- Báo cáo kết quả giám sát;

- Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm (Kết quả thu mẫu xét nghiệm tại thời điểm kiểm tra);

- Bản sao kết quả kiểm tra, phân loại cơ sở còn hiệu lực (nếu có);

- Bản sao Giấy chứng nhận VietGAHP còn hiệu lực(nếu có).

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã trong nước và nước ngoài có hoạt động chăn nuôi tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh. Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

g) Phí, lệ phí: 300.000 đồng

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành

- Đơn hoặc Văn bản đề nghị của Chủ tịch chính: UBND xã đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh bệnh (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạnPhụ lục IIa, IIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT;

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

-Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.................., ngày tháng năm ……..

ĐƠN ĐĂNG KÝ

CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

1. Tên cơ sở : ………………………………..……………….…………………

Địa chỉ: ………………………………..…………………….…………………..

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

2. Tên chủ cơ sở: ................................................................................................

Địa chỉ thường trú: ..............................................................................................

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

3. Đăng ký chứng nhận: [ ]  Lần đầu [ ]  Đánh giá lại

 [ ]  Cấp lại [ ]  Bổ sung

[ ]  Cấp đổi

Lý do khác: ....................................................

(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi: .........…………………………...

…………………………………………………………………………………..)

4. Loại hình hoạt động: [ ]  Sản xuất giống [ ]  Nuôi thương phẩm [ ]  Làm cảnh

5. Thị trường tiêu thụ: [ ]  Nội địa [ ]  Xuất khẩu [ ]  Cả nội địa, xuất khẩu

6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh ...................................... trên đối tượng…...................................................................................................

7. Hồ sơ đăng ký gồm: (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

|  |  |
| --- | --- |
|  | Người làm đơn(ký tên, đóng dấu) (\*) |

(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN…  |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc  |
| Số: ......................... |  | ………., ngày ..… tháng…… năm ..... |
| V/v đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn |  |  |

Kính gửi: (Tên Cơ quan thú y)

Thực hiện quy định tại Thông tư số /2016/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ……….. đề nghị (tên Cơ quan thú y) xét duyệt hồ sơ đăng ký và cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.

Thông tin liên lạc:

Họ và tên:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

 Kèm theo là …………………………………………….../.

(Trường hợp cấp đổi phải ghi rõ lý do)

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận: - Như trên;- UBND huyện (để báo cáo);-..; - Lưu: ........  | TM. ỦY BAN NHÂN DÂNCHỦ TỊCHKý tên, đóng dấu |

**24. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)**

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Bước 3: Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4: Nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:

\* Thành phần hồ sơ:

-Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo kết quả giám sát theo quy định;

- Bản sao kết quả kiểm tra, phân loại cơ sở còn hiệu lực (nếu có);

- Bản sao Giấy chứng nhận VietGAP còn hiệu lực (nếu có).

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ sở nuôi trồng thủy sản sản xuất thủy sản giống

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

g) Lệ phí, phí: 300.000 đồng

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

-Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ sở sản xuất giống thủy sản:

+ Người trực tiếp tham gia sản xuất thủy sản giống phải có kiến thức về bệnh mà cơ sở đang thực hiện giám sát, đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh;

+ Có Phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc hợp đồng với Phòng thử nghiệm được chỉ định đủ năng lực xét nghiệm đối với bệnh mà cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh.

- Cơ sở nuôi động vật thủy sản thương phẩm:

+ Người trực tiếp nuôi động vật thủy sản phải có kiến thức về bệnh mà cơ sở đang thực hiện giám sát.

+ Có Phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc hợp đồng với Phòng thử nghiệm được chỉ định đủ năng lực xét nghiệm đối với bệnh mà cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh.

- Cơ sở đã thực hiện chương trình giám sát theo quy định, không có động vật thủy sản mắc bệnh đăng ký chứng nhận an toàn trong ít nhất 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.................., ngày tháng năm ……..

ĐƠN ĐĂNG KÝ

CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

1. Tên cơ sở : ………………………………..……………….…………………

Địa chỉ: ………………………………..…………………….…………………..

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

2. Tên chủ cơ sở: ................................................................................................

Địa chỉ thường trú: ..............................................................................................

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

3. Đăng ký chứng nhận: [ ]  Lần đầu [ ]  Đánh giá lại

 [ ]  Cấp lại [ ]  Bổ sung

[ ]  Cấp đổi

Lý do khác: ....................................................

(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi: .........…………………………...

…………………………………………………………………………………..)

4. Loại hình hoạt động: [ ]  Sản xuất giống [ ]  Nuôi thương phẩm [ ]  Làm cảnh

5. Thị trường tiêu thụ: [ ]  Nội địa [ ]  Xuất khẩu [ ]  Cả nội địa, xuất khẩu

6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh ...................................... trên đối tượng…...................................................................................................

7. Hồ sơ đăng ký gồm: (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

|  |  |
| --- | --- |
|  | Người làm đơn(ký tên, đóng dấu) (\*) |

(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)

|  |
| --- |
| CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc  |

…......., ngày…… tháng …… năm ……..

BÁO CÁO ĐIỀU KIỆN

CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

Kính gửi: ………………………………………..

1. Vị trí cơ sở:

- Các khu vực xung quanh………………………………………………...

- Hệ thống bao quanh cơ sở: Có [ ]  Không [ ] ; ngăn cách với cơ sở xung quanh bằng .............................................................................................

- Nguồn nước: Ngọt [ ]  Mặn [ ]

- Vị trí giao thông:……………………………………………………...…

- Hệ thống điện: ………………….………………………………………

2. Điều kiện cơ sở sản xuất

2.1. Diện tích cơ sở (ghi chi tiết từng hạng mục): ………………………………

2.2. Điều kiện cơ sở hạ tầng……………………………………………………...

2.2.1. Sơ đồ bố trí mặt bằng (bản vẽ kèm theo)

Hệ thống bể trong khu vực có mái che: Có [ ]  Không [ ]

2.2.2. Hệ thống ao và cấp thoát nước

- Hệ thống ao bể Có [ ]  Không [ ]

- Hệ thống cấp thoát nước Có [ ]  Không [ ]

- Khu vực xử lý Có [ ]  Không [ ]

2.3. Trang thiết bị phục vụ sản xuất

2.4. Thực trạng sản xuất

2.4.1. Thực hiện vệ sinh tiêu độc khử trùng đối với:

- Hệ thống ao, bể: Không [ ]  Có [ ]  Loại hóa chất:……….

- Thiết bị, dụng cụ: Không [ ]  Có [ ]  Loại hóa chất:……….

- Nguồn nước: Không [ ]  Có [ ]  Loại hóa chất:……….

- Xử lý thủy sản chết: Không [ ]  Có [ ]  Loại hóa chất:……….

- Vệ sinh cá nhân: Không [ ]  Có [ ]

2.4.2. Biện pháp phòng bệnh

- Xử lý khi cải tạo ao, bể: Không [ ]  Có [ ]

Loại hóa chất: ............................................................................................

- Thay nước định kỳ: Không [ ]  Có [ ]

- Dinh dưỡng: Không [ ]  Có [ ]  Nếu có, ghi rõ Loại gì: ..................................................................................................

- Vệ sinh ao/bể: Không [ ]  Có [ ]  Nếu có, ghi rõ

Loại hóa chất: ............................................................................................

2.4.3.Tình hình sử dụng các loại hóa chất, kháng sinh:

- Kháng sinh Không [ ]  Có [ ]  Nếu có, ghi rõ

Loại gì: ……………………………………………………………………

- Diệt khuẩn định kỳ Không [ ]  Có [ ]  Nếu có, ghi rõ

Loại hóa chất: …………………………………………………………….

- Bón vi sinh định kỳ Không [ ]  Có [ ]  Nếu có, ghi rõ

Loại gì: ..................................................................................................

2.5. Hồ sơ ghi chép

2.5.1. Ghi chép theo dõi số lượng thủy sản bố mẹ nhập, xuất

 Ghi chép theo dõi số lượng thủy sản giống xuất

 Ghi chép quá trình nuôi, chăm sóc thủy sản

2.5.2. Ghi chép tình hình dịch bệnh tại cơ sở: Không [ ]  Có [ ]  Lý do:

Có xét nghiệm bệnh trước khi cho thủy sản sinh sản không?..................

Nếu có xét nghiệm bệnh gì?..............................Đơn vị xét nghiệm?...................................

Nếu phát hiện có tác nhân gây bệnh, xử lý như thế nào?.......................

 Chủ cơ sở

 (ký tên, đóng dấu) (\*)

(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)

**25. Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại**

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Bước 3: Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4: Nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:

\* Thành phần hồ sơ:

-Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo kết quả khắc phục các nội dung chưa đạt yêu cầu.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:15 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở có kết quả đánh giá chưa đạt yêu cầu.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh. Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

g) Phí, lệ phí:300.000 đồng.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.................., ngày tháng năm ……..

ĐƠN ĐĂNG KÝ

CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

1. Tên cơ sở : ………………………………..……………….…………………

Địa chỉ: ………………………………..…………………….…………………..

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

2. Tên chủ cơ sở: ................................................................................................

Địa chỉ thường trú: ..............................................................................................

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

3. Đăng ký chứng nhận: [ ]  Lần đầu [ ]  Đánh giá lại

 [ ]  Cấp lại [ ]  Bổ sung

[ ]  Cấp đổi

Lý do khác: ....................................................

(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi: .........…………………………...

…………………………………………………………………………………..)

4. Loại hình hoạt động: [ ]  Sản xuất giống [ ]  Nuôi thương phẩm [ ]  Làm cảnh

5. Thị trường tiêu thụ: [ ]  Nội địa [ ]  Xuất khẩu [ ]  Cả nội địa, xuất khẩu

6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh ...................................... trên đối tượng…...................................................................................................

7. Hồ sơ đăng ký gồm: (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

|  |  |
| --- | --- |
|  | Người làm đơn(ký tên, đóng dấu) (\*) |

(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN…  |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc  |
| Số: ......................... |  | ………., ngày ..… tháng…… năm ..... |
| V/v đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn |  |  |

Kính gửi: (Tên Cơ quan thú y)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ……….. đề nghị (tên Cơ quan thú y) xét duyệt hồ sơ đăng ký và cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.

Thông tin liên lạc:

Họ và tên:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

 Kèm theo là …………………………………………….../.

(Trường hợp cấp đổi phải ghi rõ lý do)

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận: - Như trên;- UBND huyện (để báo cáo);...; - Lưu: ........  | TM. ỦY BAN NHÂN DÂNCHỦ TỊCHKý tên, đóng dấu |

**26. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn**

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: 03 tháng trước thời điểm giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hết hiệu lực. Cá nhân, tổ chức chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Bước 3: Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4: Nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký hoặc văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, VIb, VIc ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo kết quả hoạt động trong thời hạn ghi tại Giấy chứng nhận, gồm: Số lượng giống xuất, nhập tại cơ sở; sản lượng động vật thương phẩm xuất bán cho mỗi vụ, đợt trong năm; báo cáo kết quả hoạt động thú y tại cơ sở; kết quả phòng bệnh bằng vắc xin;

- Báo cáo kết quả giám sát dịch bệnh tại cơ sở kèm theo bản sao kết quả xét nghiệm bệnh của Phòng thử nghiệm được chỉ định, Giấy chứng nhận kiểm dịch;

- Kết quả đánh giá định kỳ (nếu có).

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- 07 ngày làm việc: với trường hợp đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng.

- 17 ngày làm việc: với trường hợp chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tại địa phương.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

g) Phí, lệ phí: 300.000 đồng.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đăng ký hoặc văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, VIb, VIc ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thực hiện Kế hoạch giám sát dịch bệnh đối với bệnh đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn, bao gồm cả việc thu mẫu đúng, đủ số lượng với tần suất tối thiểu 01 (một) năm/lần và gửi mẫu xét nghiệm bệnh tại Phòng thử nghiệm được chỉ định;

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.................., ngày tháng năm ……..

ĐƠN ĐĂNG KÝ

CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

1. Tên cơ sở : ………………………………..……………….…………………

Địa chỉ: ………………………………..…………………….…………………..

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

2. Tên chủ cơ sở: ................................................................................................

Địa chỉ thường trú: ..............................................................................................

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

3. Đăng ký chứng nhận: [ ]  Lần đầu [ ]  Đánh giá lại

 [ ]  Cấp lại [ ]  Bổ sung

[ ]  Cấp đổi

Lý do khác: ....................................................

(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi: .........…………………………...

…………………………………………………………………………………..)

4. Loại hình hoạt động: [ ]  Sản xuất giống [ ]  Nuôi thương phẩm [ ]  Làm cảnh

5. Thị trường tiêu thụ: [ ]  Nội địa [ ]  Xuất khẩu [ ]  Cả nội địa, xuất khẩu

6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh ...................................... trên đối tượng…...................................................................................................

7. Hồ sơ đăng ký gồm: (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

|  |  |
| --- | --- |
|  | Người làm đơn(ký tên, đóng dấu) (\*) |

(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN…  |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc  |
| Số: ......................... |  | ………., ngày ..… tháng…… năm ..... |
| V/v đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn |  |  |

Kính gửi: (Tên Cơ quan thú y)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ……….. đề nghị (tên Cơ quan thú y) xét duyệt hồ sơ đăng ký và cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.

Thông tin liên lạc:

Họ và tên:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

 Kèm theo là …………………………………………….../.

(Trường hợp cấp đổi phải ghi rõ lý do)

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận:- Như trên;- UBND huyện (để báo cáo);- Lưu: ........  | TM. ỦY BAN NHÂN DÂNCHỦ TỊCHKý tên, đóng dấu |

**27. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản**

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: 03 tháng trước thời điểm giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hết hiệu lực. Cá nhân, tổ chức chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Bước 3: Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4: Nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo kết quả hoạt động trong thời hạn ghi tại Giấy chứng nhận, gồm: Số lượng giống xuất, nhập tại cơ sở; sản lượng động vật thương phẩm xuất bán cho mỗi vụ, đợt trong năm; báo cáo kết quả hoạt động thú y tại cơ sở;

-Báo cáo kết quả giám sát dịch bệnh tại cơ sở kèm bản sao kết quả xét nghiệm bệnh của Phòng thử nghiệm được chỉ định, Giấy chứng nhận kiểm dịch;

-Kết quả đánh giá định kỳ (nếu có).

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- 07 ngày làm việc: đối với trường hợp cơ sở đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá không quá 12 tháng

- 17 ngày: đối với trường hợp còn lại

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

g) Phí, lệ phí: 300.000 đồng

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thực hiện Kế hoạch giám sát dịch bệnh đối với bệnh đã được cấp Giấy chứng nhận an toàn, bao gồm cả việc thu mẫu đúng, đủ số lượng với tần suất tối thiểu 01 (một) năm/lần và gửi mẫu xét nghiệm bệnh tại Phòng thử nghiệm được chỉ định;

- Thực hiện các quy định về phòng chống dịch bệnh tại cơ sở;

- Báo cáo Cơ quan thú y những thay đổi liên quan đến nội dung được chứng nhận chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ ngày có thay đổi.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.................., ngày tháng năm ……..

ĐƠN ĐĂNG KÝ

CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

1. Tên cơ sở : ………………………………..……………….…………………

Địa chỉ: ………………………………..…………………….…………………..

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

2. Tên chủ cơ sở: ................................................................................................

Địa chỉ thường trú: ..............................................................................................

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

3. Đăng ký chứng nhận: [ ]  Lần đầu [ ]  Đánh giá lại

 [ ]  Cấp lại [ ]  Bổ sung

[ ]  Cấp đổi

Lý do khác: ....................................................

(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi: .........…………………………...

…………………………………………………………………………………..)

4. Loại hình hoạt động: [ ]  Sản xuất giống [ ]  Nuôi thương phẩm [ ]  Làm cảnh

5. Thị trường tiêu thụ: [ ]  Nội địa [ ]  Xuất khẩu [ ]  Cả nội địa, xuất khẩu

6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh ...................................... trên đối tượng…...................................................................................................

7. Hồ sơ đăng ký gồm: (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

|  |  |
| --- | --- |
|  | Người làm đơn(ký tên, đóng dấu) (\*) |

(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.................., ngày tháng năm ……..

ĐƠN ĐĂNG KÝ

CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

1. Tên cơ sở : ………………………………..……………….…………………

Địa chỉ: ………………………………..…………………….…………………..

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

2. Tên chủ cơ sở: ................................................................................................

Địa chỉ thường trú: ..............................................................................................

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

3. Đăng ký chứng nhận: [ ]  Lần đầu [ ]  Đánh giá lại

 [ ]  Cấp lại [ ]  Bổ sung

[ ]  Cấp đổi

Lý do khác: ....................................................

(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi: .........…………………………...

…………………………………………………………………………………..)

4. Loại hình hoạt động: [ ]  Sản xuất giống [ ]  Nuôi thương phẩm [ ]  Làm cảnh

5. Thị trường tiêu thụ: [ ]  Nội địa [ ]  Xuất khẩu [ ]  Cả nội địa, xuất khẩu

6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh ...................................... trên đối tượng…...................................................................................................

7. Hồ sơ đăng ký gồm: (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

|  |  |
| --- | --- |
|  | Người làm đơn(ký tên, đóng dấu) (\*) |

(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN…  |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc  |
| Số: ......................... |  | ………., ngày ..… tháng…… năm ..... |
| V/v đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn |  |  |

Kính gửi: (Tên Cơ quan thú y)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ……….. đề nghị (tên Cơ quan thú y) xét duyệt hồ sơ đăng ký và cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.

Thông tin liên lạc:

Họ và tên:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

 Kèm theo là …………………………………………….../.

(Trường hợp cấp đổi phải ghi rõ lý do)

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận:- Như trên;- UBND huyện (để báo cáo);- Lưu: ........  | TM. ỦY BAN NHÂN DÂNCHỦ TỊCHKý tên, đóng dấu |

**28. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)**

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các cơ sở có giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật bị rách, cũ nát hoặc bị mất có nhu ầu cấp đổi. Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Bước 3: Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4: Nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:

\* Thành phần hồ sơ:

-Đơn đăng ký hoặc văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT);

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ sở an toàn dịch bệnh đã được cấp giấy chứng nhận

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận: giữ nguyên thời hạn của Giấy chứng nhận cũ.

g) Phí, lệ phí: không.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

-Đơn đăng ký hoặc văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT);

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.................., ngày tháng năm ……..

ĐƠN ĐĂNG KÝ

CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

1. Tên cơ sở : ………………………………..……………….…………………

Địa chỉ: ………………………………..…………………….…………………..

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

2. Tên chủ cơ sở: ................................................................................................

Địa chỉ thường trú: ..............................................................................................

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

3. Đăng ký chứng nhận: [ ]  Lần đầu [ ]  Đánh giá lại

 [ ]  Cấp lại [ ]  Bổ sung

[ ]  Cấp đổi

Lý do khác: ....................................................

(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi: .........…………………………...

…………………………………………………………………………………..)

4. Loại hình hoạt động: [ ]  Sản xuất giống [ ]  Nuôi thương phẩm [ ]  Làm cảnh

5. Thị trường tiêu thụ: [ ]  Nội địa [ ]  Xuất khẩu [ ]  Cả nội địa, xuất khẩu

6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh ...................................... trên đối tượng…...................................................................................................

7. Hồ sơ đăng ký gồm: (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

|  |  |
| --- | --- |
|  | Người làm đơn(ký tên, đóng dấu) (\*) |

(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN…  |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc  |
| Số: ......................... |  | ………., ngày ..… tháng…… năm ..... |
| V/v đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn |  |  |

Kính gửi: (Tên Cơ quan thú y)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ……….. đề nghị (tên Cơ quan thú y) xét duyệt hồ sơ đăng ký và cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.

Thông tin liên lạc:

Họ và tên:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

 Kèm theo là …………………………………………….../.

(Trường hợp cấp đổi phải ghi rõ lý do)

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận: - Như trên;- UBND huyện (để báo cáo);-Lưu: ........  | TM. ỦY BAN NHÂN DÂNCHỦ TỊCHKý tên, đóng dấu |

**29. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận**

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật có nhu cầu bổ sung thêm bệnh được chứng nhận an toàn dịch bệnh. Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Bước 3: Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4: Nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:

\* Thành phần hồ sơ:

-Đơn hoặc Văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND xã đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh bệnh (Phụ lục VIa, VIb, ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo kết quả giám sát.

-Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm (là kết quả thu mẫu gửi xét nghiệm khi kiểm tra tại vùng)

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tại địa phương.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận: giữ nguyên thời hạn của Giấy chứng nhận cũ.

g) Phí, lệ phí: 300.000 đồng

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn hoặc Văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND xã đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh bệnh (Phụ lục VIa, VIb, ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ sở đã thực hiện giám sát theo quy định, không có ca bệnh của bệnh đăng ký bổ sung công nhận an toàn trong ít nhất 12 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký;

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.................., ngày tháng năm ……..

ĐƠN ĐĂNG KÝ

CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

1. Tên cơ sở : ………………………………..……………….…………………

Địa chỉ: ………………………………..…………………….…………………..

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

2. Tên chủ cơ sở: ...............................................................................................

Địa chỉ thường trú: ..............................................................................................

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

3. Đăng ký chứng nhận: [ ]  Lần đầu [ ]  Đánh giá lại

 [ ]  Cấp lại [ ]  Bổ sung

[ ]  Cấp đổi

Lý do khác: ....................................................

(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi: .........…………………………...

…………………………………………………………………………………..)

4. Loại hình hoạt động: [ ]  Sản xuất giống [ ]  Nuôi thương phẩm [ ]  Làm cảnh

5. Thị trường tiêu thụ: [ ]  Nội địa [ ]  Xuất khẩu [ ]  Cả nội địa, xuất khẩu

6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh ...................................... trên đối tượng…...................................................................................................

7. Hồ sơ đăng ký gồm: (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

|  |  |
| --- | --- |
|  | Người làm đơn(ký tên, đóng dấu) (\*) |

(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN…  |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc  |
| Số: ......................... |  | ………., ngày ..… tháng…… năm ..... |
| V/v đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn |  |  |

Kính gửi: (Tên Cơ quan thú y)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ……….. đề nghị (tên Cơ quan thú y) xét duyệt hồ sơ đăng ký và cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.

Thông tin liên lạc:

Họ và tên:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

 Kèm theo là …………………………………………….../.

(Trường hợp cấp đổi phải ghi rõ lý do)

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận: - Như trên;- UBND huyện (để báo cáo);- Lưu: ........  | TM. ỦY BAN NHÂN DÂNCHỦ TỊCHKý tên, đóng dấu |

**30. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận**

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật có nhu cầu bổ sung thêm bệnh được chứng nhận an toàn dịch bệnh. Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Bước 3: Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4: Nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:

\* Thành phần hồ sơ:

-Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo kết quả giám sát

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:20 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ sở an toàn dịch bệnh

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

g) Phí, lệ phí: 300.000 đồng.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

-Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa, ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

\* Cơ sở sản xuất giống thủy sản:

+ Người trực tiếp tham gia sản xuất thủy sản giống phải có kiến thức về bệnh mà cơ sở đang thực hiện giám sát, đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh;

+ Có Phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc hợp đồng với Phòng thử nghiệm được chỉ định đủ năng lực xét nghiệm đối với bệnh mà cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh.

\* Đối với Cơ sở nuôi động vật thủy sản thương phẩm

+ Người trực tiếp nuôi động vật thủy sản phải có kiến thức về bệnh mà cơ sở đang thực hiện giám sát.

+ Có Phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc hợp đồng với Phòng thử nghiệm được chỉ định đủ năng lực xét nghiệm đối với bệnh mà cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh.

+Cơ sở đã thực hiện giám sát theo quy định. Không có động vật thủy sản mắc bệnh đăng ký chứng nhận an toàn trong ít nhất 06 (sáu) tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.................., ngày tháng năm ……..

ĐƠN ĐĂNG KÝ

CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

1. Tên cơ sở : ………………………………..……………….…………………

Địa chỉ: ………………………………..…………………….…………………..

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

2. Tên chủ cơ sở: ................................................................................................

Địa chỉ thường trú: ..............................................................................................

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

3. Đăng ký chứng nhận: [ ]  Lần đầu [ ]  Đánh giá lại

 [ ]  Cấp lại [ ]  Bổ sung

[ ]  Cấp đổi

Lý do khác: ....................................................

(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi: .........…………………………...

…………………………………………………………………………………..)

4. Loại hình hoạt động: [ ]  Sản xuất giống [ ]  Nuôi thương phẩm [ ]  Làm cảnh

5. Thị trường tiêu thụ: [ ]  Nội địa [ ]  Xuất khẩu [ ]  Cả nội địa, xuất khẩu

6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh ...................................... trên đối tượng…...................................................................................................

7. Hồ sơ đăng ký gồm: (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

|  |  |
| --- | --- |
|  | Người làm đơn(ký tên, đóng dấu) (\*) |

(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)

**31. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận**

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhậnchuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Bước 3: Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4: Nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:

\* Thành phần hồ sơ:

-Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc văn bản đề nghị chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở chăn nuôi cấp xã (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT)

- Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động duy trì;

- Bản sao các kết quả xét nghiệm

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cơ sở an toàn dịch bệnh.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh. Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

g) Phí, lệ phí: 300.000 đồng.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

-Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc văn bản đề nghị chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở chăn nuôi cấp xã (Phụ lục VIa, VIb ban hành kèm theo Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT)

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ sở có nhu cầu và tự nguyện đăng ký để được chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

- Cơ sở đã thực hiện giám sát theo quy định, không có động vật thủy sản mắc bệnh được chứng nhận an toàn trong ít nhất 06 tháng kể từ khi nơi nuôi giữ động vật thủy sản mắc bệnh cuối cùng của cơ sở được tiêu hủy hoặc kể từ khi xử lý xong động vật thủy sản mang mầm bệnh hoặc không có ca bệnh của bệnh được chứng nhận an toàn trong ít nhất 03 tháng kể từ khi con vật mắc bệnh cuối cùng được xử lý hoặc khỏi bệnh.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ NNPTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.................., ngày tháng năm ……..

ĐƠN ĐĂNG KÝ

CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: (Cơ quan thú y)

1. Tên cơ sở : ………………………………..……………….…………………

Địa chỉ: ………………………………..…………………….…………………..

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

2. Tên chủ cơ sở: ................................................................................................

Địa chỉ thường trú: ..............................................................................................

Điện thoại: ……………. Fax: ………..………Email:…………………………..

3. Đăng ký chứng nhận: [ ]  Lần đầu [ ]  Đánh giá lại

 [ ]  Cấp lại [ ]  Bổ sung

[ ]  Cấp đổi

Lý do khác: ....................................................

(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi: .........…………………………...

…………………………………………………………………………………..)

4. Loại hình hoạt động: [ ]  Sản xuất giống [ ]  Nuôi thương phẩm [ ]  Làm cảnh

5. Thị trường tiêu thụ: [ ]  Nội địa [ ]  Xuất khẩu [ ]  Cả nội địa, xuất khẩu

6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh ...................................... trên đối tượng…...................................................................................................

7. Hồ sơ đăng ký gồm: (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

|  |  |
| --- | --- |
|  | Người làm đơn(ký tên, đóng dấu) (\*) |

(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN…  |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc  |
| Số: ......................... |  | ………., ngày ..… tháng…… năm ..... |
| V/v đăng ký chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn |  |  |

Kính gửi: (Tên Cơ quan thú y)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ……….. đề nghị (tên Cơ quan thú y) xét duyệt hồ sơ đăng ký và cấp/cấp lại/cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.

Thông tin liên lạc:

Họ và tên:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

 Kèm theo là …………………………………………….../.

(Trường hợp cấp đổi phải ghi rõ lý do)

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận: - Như trên;- UBND huyện (để báo cáo);- Lưu: ........  | TM. ỦY BAN NHÂN DÂNCHỦ TỊCHKý tên, đóng dấu |

**32. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y**

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Bước 3: Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:

+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.

+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời

Bước 4: Nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh

c) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo Mẫu 01 của Phụ lục IIThông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016;

- Bản chính Mô tả tóm tắt về cơ sở theo Mẫu số 02 của Phụ lục II Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chợ chuyên kinh doanh động vật, chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ, cơ sở thu gom động vật; cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm, không do Trung ương quản lý; không phục vụ xuất, nhập khẩu, chỉ phục vụ tiêu dùng trong nước

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận VSTY trùng với thời hạn hết hiệu lực của Giấy chứng nhận VSTY đã được cấp trước đó (Đối với trường hợp Giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY)

g) Phí, lệ phí:

- Cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chợ chuyên kinh doanh động vật, chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ, cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm, không do Trung ương quản lý;không phục vụ xuất, nhập khẩu, chỉ phục vụ tiêu dùng trong nước: 1.000.000 đồng/lần (cấp mới)

- Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ cơ sở thu gom động vật: 450.000 đồng/lần.

Trường hợp cần thiết xét nghiệm, các chỉ tiêu xét nghiệm được tính chi phí riêng theo thực tế.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo Mẫu 01 của Phụ lục IIThông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016;

- Bản chính Mô tả tóm tắt về cơ sở theo Mẫu số 02 của Phụ lục II Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ

CHỨNG NHẬN ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y

 (Ban hành kèm theo Thông tư số 09 /2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016

của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày........... tháng.......... năm .........

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Cơ sở ......................................; được thành lập ngày:..................................

Trụ sở tại:........................................................................................................

Điện thoại:....................................Fax:............................................................

Giấy đăng ký hộ kinh doanh/Giấy đăng ký kinh doanh số: ...................; ngày cấp:..................... đơn vị cấp:........................ (đối với doanh nghiệp);

Hoặc Quyết định thành lập đơn vị số.....................ngày cấp..............; Cơ quan ban hành Quyết định.................................................

Lĩnh vực hoạt động:.............................................................

Công suất sản xuất/năng lực phục vụ:............................................................

Số lượng công nhân viên:................... (cố định:.....................; thời vụ:.................)

Đề nghị …………… (tên cơ quan kiểm tra) ………… cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y cho cơ sở.

Lý do cấp/cấp lại:

Cơ sở mới thành lập ; Thay đổi thông tin đăng ký kinh doanh ; Giấy chứng nhận ĐKVSTY hết hạn

Xin trân trọng cảm ơn./.

|  |  |
| --- | --- |
| Gửi kèm gồm:- Bản mô tả tóm tắt về cơ sở (Mẫu số 02).  | CHỦ CƠ SỞ(Ký tên & đóng dấu) |

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập -Tự do-Hạnh phúc

Mẫu: 02

……., ngày…… tháng….. năm……

MÔ TẢ TÓM TẮT VỀ CƠ SỞ

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở:...............................................................................................................................

2. Mã số (nếu có):.......................................................................................................................

3. Địa chỉ:....................................................................................................................................

4. Điện thoại:…………………. Fax: …………………. Email:................................................

5. Năm bắt đầu hoạt động:..................................................................................................

6. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:..................................................

7. Công suất thiết kế:.........................................................................................................

II. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh .................. m2, trong đó:

+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu đầu vào: .............................. m2

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh : ............................................. m2

+ Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: .................................. m2

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : .................................. m2

- Sơ đồ bố trí mặt bằng của cơ sở:

2. Trang thiết bị chính:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thiết bị | Số lượng | Nước sản xuất | Tổng công suất | Năm bắt đầu sử dụng |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nước máy công cộng |  | Nước giếng khoan |  |
| Hệ thống xử lý:          Có |  | Không  |  |

Phương pháp xử lý: ……………………………………………………………..

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:………………………………………………………

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: ……………………………… người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: ………………người.

+ Lao động gián tiếp: ………………người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: ….. người; trong đó ……… của cơ sở và ……… đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, khử trùng sử dụng:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên hóa chất | Thành phần chính | Nước sản xuất | Mục đích sử dụng | Nồng độ |
|   |   |   |   |   |

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,…..)

9. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **33. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y****a) Trình tự thực hiện:** Bước 1: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà VinhBước 3: Công chức tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:+ Nếu hợp lệ thì ra phiếu hẹn.+ Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung đầy đủ, kịp thời Bước 4: Nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà VinhThời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ các ngày nghỉ theo quy định).b) Cách thức thực hiện thủ tục hành chính: Nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinhc) Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính:\* Thành phần hồ sơ:1) Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo Mẫu 01 của Phụ lục IIThông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016;- Bản chính Mô tả tóm tắt về cơ sở theo Mẫu số 02 của Phụ lục II Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016.2) Trường hợp Giấy chứng nhận VSTYbị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận VSTY theo Mẫu 01 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016.\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.d) Thời hạn giải quyết: - 15 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn- 05 ngày làm việc đối với trường hợp Giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTYđ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chợ chuyên kinh doanh động vật, chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ, cơ sở thu gom động vật; cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm, không do Trung ương quản lý;không phục vụ xuất, nhập khẩu, chỉ phục vụ tiêu dùng trong nước e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú yf) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:- Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y.- Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm.- Thời hạn của Giấy chứng nhận VSTY trùng với thời hạn hết hiệu lực của Giấy chứng nhận VSTY đã được cấp trước đó (Đối với trường hợp Giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY)g) Phí, lệ phí: khôngh) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: - Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo Mẫu 01 của Phụ lục IIThông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016;- Bản chính Mô tả tóm tắt về cơ sở theo Mẫu số 02 của Phụ lục II Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016.i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Khôngk) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.Mẫu 01CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc....., ngày........... tháng.......... năm .........ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ YKính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thú y Cơ sở ......................................; được thành lập ngày:..................................Trụ sở tại:........................................................................................................Điện thoại:....................................Fax:............................................................Giấy đăng ký hộ kinh doanh/Giấy đăng ký kinh doanh số: ...................; ngày cấp:..................... đơn vị cấp:........................ (đối với doanh nghiệp);Hoặc Quyết định thành lập đơn vị số.....................ngày cấp..............; Cơ quan ban hành Quyết định.................................................Lĩnh vực hoạt động:.............................................................Công suất sản xuất/năng lực phục vụ:............................................................Số lượng công nhân viên:................... (cố định:.....................; thời vụ:.................)Đề nghị …………… (tên cơ quan kiểm tra) ………… cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y cho cơ sở.Lý do cấp/cấp lại:Cơ sở mới thành lập ; Thay đổi thông tin đăng ký kinh doanh ; Giấy chứng nhận ĐKVSTY hết hạn Xin trân trọng cảm ơn./.

|  |  |
| --- | --- |
| Gửi kèm gồm:- Bản mô tả tóm tắt về cơ sở (Mẫu số 02).  | CHỦ CƠ SỞ(Ký tên & đóng dấu) |

 |  |

**34. Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi vận chuyển động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh chủ hàng phải đăng ký kiểm dịch với Trạm kiểm dịch động vật xuất-nhập tỉnh đầu mối giao thông

- Bước 2:

\* Kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

 Nội dung kiểm dịch đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật thú y, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

+ Kiểm tra lâm sàng;

+ Lấy mẫu xét nghiệm bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT;

+ Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;

+ Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;

+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch;

+ Thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biển kiểm soát phương tiện vận chuyển. Thực hiện thông báo ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật vận chuyển để làm giống, tổng hợp thông báo theo tuần đối với động vật vận chuyển để giết mổ;

+ Trường hợp động vật không bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định.

- Nội dung kiểm dịch đối với động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

+ Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;

+ Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;

\*Kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

- Nội dung kiểm dịch đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật thú y, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

+ Kiểm tra thực trạng hàng hóa; điều kiện bao gói, bảo quản sản phẩm động vật;

+ Lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT;

+ Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;

+ Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;

+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch;

+ Trường hợp sản phẩm động vật không bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định;

+ Tổng hợp thông báo theo tuần cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biển kiểm soát phương tiện vận chuyển.

- Nội dung kiểm dịch đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

+ Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;

+ Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;

+ Tổng hợp thông báo theo tuần cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biển kiểm soát phương tiện vận chuyển.

b) Cách thức thực hiện:Nộp hồ sơ tại Trạm kiểm dịch động vật xuất-nhập tỉnh đầu mối giao thông.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

\* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký theo Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch,

- Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật; Động vật chưa được phòng bệnh theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật thú y hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chưa được công nhận an toàn dịch bệnh động vật; Sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật chưa được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng:

+ 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch

+ 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:Chi cục chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch

g) Phí, lệ phí: Mức thu phí, lệ phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật theo quy định tại Mục III của biểu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành kèm theo Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; phí tiêu độc khử trùng phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thực hiện theo Mục II của phụ lục 1, ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đăng ký theo Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

|  |
| --- |
| CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúcMẫu: 1 |

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

Số:................../ĐK-KDĐV

 Kính gửi: ..............……………......................................................

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): ....................................................

Địa chỉ giao dịch: ………………………………...…………………...…..

Chứng minh nhân dân số: …… Cấp ngày…../..…./….. tại………….…...

Điện thoại: …………. Fax: ……….….. Email: ………….………...

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Loại động vật | Giống | Tuổi | Tính biệt | Mục đích sử dụng |
| Đực | Cái |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| Tổng số |  |  |  |  |  |

Tổng số (viết bằng chữ): …………………………

Nơi xuất phát: …………………………….…………………………...…..

Tình trạng sức khoẻ động vật: …………………………………..…..

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh: ….….

..... theo Quyết định số …/… ngày……/…../..…của ……(1)…. (nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ ……… Kết quả xét nghiệm số …..…../……. ngày ..…../……/ …...….

2/ …………… Kết quả xét nghiệm số ……../…. ngày ..…../……/ …...….

3/ ……… Kết quả xét nghiệm số …..…../……. ngày ..…../……/ …...….

4/ …… Kết quả xét nghiệm số ….…../………. ngày ..…../……/ …...….

5/ ……… Kết quả xét nghiệm số ……../……. ngày ..…../……/ …...….

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

1/ ……...…………….. tiêm phòng ngày …...…./……/ …...….

2/ ………….…………….. tiêm phòng ngày …..…./……/ …...….

3/ ………...…………….. tiêm phòng ngày …..…./……/ …...….

4/ ………………...…………….. tiêm phòng ngày …..…./……/ …...….

5/ …………..…………….. tiêm phòng ngày …..…./……/ …...….

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên hàng | Quy cách đóng gói | Số lượng(2) | Khối lượng(kg) | Mục đích sử dụng |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| Tổng số |  |  |  |

Tổng số (viết bằng chữ): …………………………………….……………

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số …/…… ngày…/….../ ...…. của …(3) ….… (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: ………………………………..….……….

Điện thoại: ………………. Fax: ………………………...…….

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng: ………………………….……………….

Địa chỉ: …….....…………...……………...…………………..…..

Điện thoại: ………………. Fax: ………………………………….

Nơi đến (cuối cùng): ……………………………………..………………

Phương tiện vận chuyển: ...……………...…………….….………...……

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ ………….… Số lượng: ……...…… Khối lượng: ……..…....…

2/ ……...……… Số lượng: ……...…… Khối lượng: ……..…...…

3/ ……...…………… Số lượng: ……...…… Khối lượng: ….…….....…

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển: ...…………...….

Các vật dụng khác liên quan kèm theo: ...……………...…….……………

Các giấy tờ liên quan kèm theo: ...……………...…........………..

Địa điểm kiểm dịch: ...………………..………...…….………..

Thời gian kiểm dịch: ...……………...…………….………..…….

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

|  |  |
| --- | --- |
| Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCHĐỘNG VẬTĐồng ý kiểm dịch tại địa điểm.........................…… vào hồi ….. giờ…... ngày ........./......./ …...….Vào sổ đăng ký số ........…... ngày…...../ ......./ …...….KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT(Ký, ghi rõ họ tên) | Đăng ký tại ..............….........................Ngày ........ tháng .......năm …..….TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) |

**18. Thủ tục cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi vận chuyển động vật thủy sản sử dụng làm giống ra khỏi địa bàn cấp tỉnh; động vật thủy sản thương phẩm, sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng công bố dịch ra khỏi địa bàn cấp tỉnh chủ hàng gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch đến trạm kiểm dịch địa phương

- Bước 2:

\* Kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định hoặc từ cơ sở thu gom, kinh doanh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

- Việc kiểm dịch được thực hiện ngay tại nơi nuôi giữ tạm thời; bể, ao ương con giống của các cơ sở nuôi trồng thủy sản; cơ sở thu gom, kinh doanh.

- Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện kiểm dịch như sau:

+ Kiểm tra số lượng, chủng loại, kích cỡ động vật thủy sản;

+ Kiểm tra lâm sàng;

+ Lấy mẫu kiểm tra các bệnh theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT;

+ Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo;

+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 55 của Luật thú y;

+ Kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp động vật thủy sản giống lên phương tiện vận chuyển;

+ Thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin gồm: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, tên chủ hàng, nơi hàng đến, biển kiểm soát của phương tiện vận chuyển vào 16 giờ 30 phút hàng ngày.

- Trường hợp chỉ tiêu xét nghiệm bệnh dương tính, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định về phòng chống dịch bệnh thủy sản.

\* Kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ các cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

- Cơ sở phải bảo đảm được công nhận an toàn dịch hoặc được giám sát dịch bệnh đối với các bệnh động vật thủy sản theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT.

- Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

+ Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo;

+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 55 của Luật thú y;

+ Kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp động vật thủy sản giống lên phương tiện vận chuyển;

\* Kiểm dịch động vật thủy sản thương phẩm xuất phát từ vùng công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

- Động vật thủy sản thương phẩm thu hoạch từ cơ sở nuôi không có dịch bệnh trong vùng công bố dịch, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện việc kiểm dịch như sau:

+ Kiểm tra số lượng, chủng loại, kích cỡ động vật thủy sản;

+ Kiểm tra lâm sàng;

+ Lấy mẫu kiểm tra tác nhân gây bệnh đối với động vật thủy sản thương phẩm cảm nhiễm với bệnh được công bố dịch theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT;

- Động vật thủy sản thu hoạch từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch phải được chế biến (xử lý nhiệt hoặc tùy từng loại bệnh có thể áp dụng biện pháp xử lý cụ thể bảo đảm không để lây lan dịch bệnh) trước khi đưa ra khỏi vùng có công bố dịch.

\* Kiểm dịch sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

- Việc kiểm dịch được thực hiện ngay tại cơ sở sơ chế, chế biến của chủ hàng.

- Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện việc kiểm dịch như sau:

+ Kiểm tra số lượng, chủng loại sản phẩm động vật thủy sản;

+ Kiểm tra việc thực hiện các quy định về sơ chế, chế biến thủy sản trước khi đưa ra khỏi vùng công bố dịch;

+ Kiểm tra tình trạng bao gói, bảo quản, cảm quan đối với sản phẩm động vật thủy sản;

+ Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo;

+ Thực hiện hoặc giám sát chủ hàng thực hiện việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo trước khi xếp hàng lên phương tiện vận chuyển;

+ Kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp sản phẩm động vật thủy sản lên phương tiện vận chuyển; niêm phong phương tiện vận chuyển; thực hiện hoặc giám sát chủ hàng thực hiện việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc nơi tập trung, bốc xếp hàng.

Trường hợp sản phẩm động vật thủy sản không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp tại trạm kiểm dịch động vật.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

\* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký kiểm dịch theo mẫu 01 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật thú y

+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:Chi cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:Giấy chứng nhận kiểm dịch

g) Phí, lệ phí:Mức thu phí, lệ phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật theo quy định tại Mục III của biểu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành kèm theo Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; phí tiêu độc khử trùng phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thực hiện theo Mục II của phụ lục 1, ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:Giấy đăng ký kiểm dịch theo mẫu 01 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý:

Luật số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---------------

ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

Số:………… ĐKKD-VCTS

Kính gửi: ..............……………......................................................

Tên tổ chức, cá nhân: ......................................................….........................................................

Địa chỉ giao dịch: ……………………….……...………………..…...………………………..

Điện thoại: ……….….…. Fax: ……………… E.mail: ……………………………

CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu số:……………Ngày cấp…………..Tại……………………….

Đề nghị được kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh số hàng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên thương mại | Tên khoa học | Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm(1) | Số lượng/ Trọng lượng |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  | Tổng số |  |

Tổng số viết bằng chữ:…………………………………………………………………..

Mục đích sử dụng:………………..…………….................……….....……………….

Quy cách đóng gói/bảo quản: ………….…….. Số lượng bao gói: ...........…………

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống/nuôi trồng/sơ chế, chế biến/ bảo quản: ………………..………………………………………………………………………..

Mã số cơ sở (nếu có):.……....………………………………………………………..

Điện thoại: ………...…….… Fax: ……………………… E.mail: ………………………..

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng: …………..…………………………………..…..……

Địa chỉ: ……....………….……...…...…...……………...…………..….…………..…..

Điện thoại: ………...….…. Fax: ……………………… E.mail: ……….……………….

Nơi đến/nơi thả nuôi cuối cùng: …………..………………………………….……….

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ …………………………………Số lượng/Trọng lượng: ……...................................

2/……………………………….Số lượng/Trọng lượng:................................................

3/……………………………….Số lượng/Trọng lượng:………………………………

Phương tiện vận chuyển: ...……………...……...…………….………...………………

Địa điểm kiểm dịch: …...……………...…….……………...…………………………...

Thời gian kiểm dịch: ...……………...……………....……….……….….………………..

\* Đối với sản phẩm thủy sản xuất phát từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch đề nghị cung cấp bổ sung các thông tin sau đây:

- Thời gian thu hoạch:…………………………………………………………………

- Mục đích sử dụng động vật thủy sản mắc bệnh:..……………………………………

- Biện pháp xử lý động vật thủy sản mắc bệnh trước khi vận chuyển:…………………

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y./.

|  |  |
| --- | --- |
| CÁN BỘ TIẾP NHẬN GIẤY ĐĂNG KÝ(Ký, ghi rõ họ tên) | Đăng ký tại ................…...................Ngày........ tháng....... năm…...….TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) |

Ghi chú:

- (1) Kích thước cá thể (đối với thủy sản giống)/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm thủy sản);

- Giấy khai báo kiểm dịch được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do tổ chức, cá nhân giữ